



ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP  
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM

# THUYẾT MINH TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Khánh Hòa, Tháng 12/2023



100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

THUYẾT MINH TÓM TẮT  
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA  
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT  
UBND TỈNH KHÁNH HÒA

CƠ QUAN LẬP  
SỞ XÂY DỰNG KHÁNH HÒA



Trần Văn Châu

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP  
CTY TNHH QUẢN LÝ  
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Trí Hùng

Khánh Hòa, năm 2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

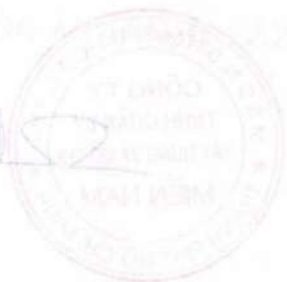
---

... CÔNG TRÌNH NÀY THỰC HIỆN DO ...  
... NĂM 2002 ...



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Châu



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Hằng

...



## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BĐKH	Biến đổi khí hậu
B.TN&MT	Bộ Tài Nguyên và Môi Trường
B.NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BXD	Bộ Xây dựng
BQL	Ban Quản lý
CCN	Cụm công nghiệp
TTCN	tiểu thủ công nghiệp
CN	Công nghiệp
CTR	Chất thải rắn
ĐVHC	Đơn vị hành chính
ĐTM	Đô thị mới
DTTN	Diện tích tự nhiên
H.	Huyện
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
HTXH	Hạ tầng xã hội
KCN	Khu công nghiệp
KĐT	Khu đô thị
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
NTM	Nông thôn mới
NGTK	Niên giám thống kê
PTĐT	Phát triển đô thị
P.	Phường
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QH	Quy hoạch
Q.	Quận
TDTT	Thể dục thể thao
TP.	Thành phố, Thị xã
TX.	Thị xã
TT	Thị trấn
TTX	Trung tâm xã
UBND	Ủy ban nhân dân
UBTVQH	Ủy ban thường vụ quốc hội
XD	Xây dựng

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Biên đội khai thác	BĐKH
Bộ Tài Nguyên và Môi Trường	B.T&MT
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	B.N&PTNT
Bộ Xây dựng	BXD
Ban Quản lý	BQL
Cơ quan nghiệp vụ	CCV
Trung tâm công nghiệp	TTCN
Công nghiệp	CN
Chất thải rắn	CTR
Đơn vị hành chính	DVHC
Đồ thị môi trường	DTM
Điều kiện cơ sở	DTTC
Huyện	H
Hội đồng nhân dân	HĐND
Hà tầng kỹ thuật	HTKT
Hệ thống xử lý	HTXH
Khu công nghiệp	KCN
Khu đô thị	KĐT
Kinh tế - Xã hội	KT-XH
Nông thôn mới	NTM
Niên giám thông kê	N&TK
Phát triển đô thị	PTĐT
Phường	P
Quy chuẩn Việt Nam	QCVN
Quy hoạch	QH
Quận	Q
Thế lực thị trường	TLTT
Thành phố, thị xã	TP
Thị xã	TX
Thị trấn	TT
Trung tâm xã	TXX
Ủy ban nhân dân	UBND
Ủy ban thường vụ được hội	UBTVQH
Xây dựng	XD



## MỤC LỤC

### BÁO CÁO TÓM TẮT THUYẾT MINH

<b>PHẦN A. PHẦN MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	1
II. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT LẬP CHƯƠNG TRÌNH.....	3
III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.....	5
1. Quan điểm xây dựng chương trình.....	5
2. Mục tiêu xây dựng chương trình phát triển đô thị.....	5
IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU LẬP CHƯƠNG TRÌNH.....	6
<b>PHẦN B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>7</b>
V. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÔ THỊ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ.....	7
1. Đánh giá hiện trạng chất lượng đô thị theo tiêu chí phân loại đô thị được định hướng theo Quy hoạch tỉnh.....	7
2. Đánh giá hiện trạng toàn tỉnh Khánh Hòa theo tiêu chí đô thị loại I - Thành phố trực thuộc Trung ương.....	8
VI. TỔ CHỨC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH.....	24
1. Rà soát, đánh giá hiện trạng Khánh Hòa theo tiêu chuẩn Thành phố trực thuộc Trung ương.....	24
2. Phương án tổ chức sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị cấp huyện.....	25
3. Đề xuất giải pháp (dự phòng).....	27
4. Phương án tổ chức sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.....	28
5. Tầm nhìn phát triển Thành phố Khánh Hòa đến năm 2045.....	29
<b>VII. DANH MỤC LỘ TRÌNH, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ.....</b>	<b>29</b>
1. Giai đoạn đến năm 2025.....	29
2. Giai đoạn năm 2026 đến 2030.....	30
3. Tầm nhìn đến năm 2045.....	30
VIII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU 2023 – 2028.....	35
IX. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO TỪNG GIAI ĐOẠN.....	39
1. Các chỉ tiêu phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa cần đạt được cho từng giai đoạn.....	39
2. Chỉ tiêu phát triển đô thị đối với riêng từng đô thị.....	40
3. Dự báo dân số và tỷ lệ đô thị hóa.....	51
4. Dự báo đất xây dựng đô thị.....	52
X. DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.....	58
1. Các dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng.....	59



2. Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội bằng nguồn vốn ngân sách theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 .....	59
3. Các dự án phát triển đô thị ưu tiên kêu gọi đầu tư bằng nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 .....	60
4. Tổng hợp nhu cầu kinh phí, nguồn vốn thực hiện Chương trình .....	60
5. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư .....	62
<b>XI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM TỪNG BƯỚC THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG .....</b>	<b>65</b>
1. Đề án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu và kịch bản nước biển dâng .....	66
2. Đề án phát triển đô thị thông minh (đô thị 4.0) .....	67
<b>XII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ .....</b>	<b>69</b>
1. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn lực .....	69
2. Nhóm giải pháp về môi trường .....	71
3. Giải pháp về khoa học công nghệ .....	73
4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển .....	74
5. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn .....	74
6. Giải pháp kiểm soát quỹ đất tài nguyên – môi trường rừng .....	75
7. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị .....	76
8. Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị .....	77
<b>XIII. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>78</b>
1. Sở Xây dựng .....	78
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư .....	78
3. Sở Tài chính .....	79
4. Sở Tài nguyên và Môi trường .....	79
5. Sở Giao thông Vận tải .....	79
6. Sở Nội vụ .....	79
7. Các Sở, ban, ngành liên quan .....	79
8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố .....	79
<b>XIV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>80</b>
<b>PHẦN C. PHỤ LỤC HỒ SƠ .....</b>	<b>81</b>
I. Phụ lục I. Đánh giá hiện trạng đô thị theo tiêu chí phân loại đô thị .....	81
II. Phụ lục II. Danh mục các dự án hạ tầng ưu tiên đầu tư .....	81
III. Phụ lục III. Danh mục các dự án phát triển khu đô thị mới ưu tiên kêu gọi đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách .....	81
IV. Phụ IV. Các tài liệu, văn bản có liên quan đến Chương trình .....	82
V. Bản vẽ .....	82



## PHẦN A. PHẦN MỞ ĐẦU

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 1210, sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 26);
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 1211, sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 27);
- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;
- Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị;



- Nghị quyết số 117/NQ/CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý phát triển đô thị;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 1086/2008/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2025;
- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch nâng loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030;
- Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam;
- Quyết định 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 20/2022/QĐ-TTg ngày 12/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định về thí điểm phân cấp thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;



- Thông tư số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;
- Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 06/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị (có hiệu lực từ ngày 10/11/2023);
- Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 21/7/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề cương Chương trình phát triển đô thị Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Các chủ trương, nghị quyết liên quan đến đầu tư, phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa;
- Các quy hoạch chung ngành – lĩnh vực, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của các đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

## II. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT LẬP CHƯƠNG TRÌNH

Theo đánh giá của Bộ Chính trị trong việc thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030: Khánh Hòa đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá, giai đoạn 2012 - 2019 đạt mức bình quân hơn 7,32%/năm. Năm 2019, quy mô nền kinh tế tăng 1,76 lần so với năm 2011; tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt mức 70,07 triệu đồng, tăng 2,3 lần so với năm 2011; thu ngân sách



tăng nhanh, bảo đảm tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về Trung ương.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư, nâng cấp. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành tương đối hiện đại. Khu kinh tế Vân Phong từng bước tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh và vùng. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khánh Hòa là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực. Bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đạt được nhiều kết quả tích cực. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả, chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển. Khánh Hòa chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Từ đánh giá thực tiễn nêu trên, Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị tiếp tục xác định: "Mục tiêu đến năm 2030 Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao;... Tầm nhìn đến năm 2045 Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc;..."

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, Khánh Hòa đã ban hành các Chương trình hành động của Tỉnh ủy và triển khai lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đã đặt mục tiêu đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao. Tầm nhìn đến năm 2050, Khánh Hòa là một trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước; là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á; một trong những đô thị ven biển thu hút khách du lịch và có môi trường đáng sống hàng đầu của châu lục.

Do đó, việc lập, tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị, danh mục và lộ trình triển khai thực hiện quy hoạch, làm cơ sở để đầu tư phát triển đô thị, lập đề án, đánh giá nâng loại đô thị nhằm thực hiện mục tiêu định hướng của Bộ Chính trị, các Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Quy hoạch



tính thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết.

### III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

#### 1. Quan điểm xây dựng chương trình

Chương trình phát triển đô thị phù hợp với Chương trình phát triển đô thị của quốc gia và khả năng huy động nguồn lực tại địa phương.

Việc xây dựng chương trình bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, quán triệt quan điểm phát triển đô thị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; cụ thể hóa được các yêu cầu nhiệm vụ về phát triển đô thị đã được Chính phủ phê duyệt.

Sắp xếp, hình thành và phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ theo định hướng Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị được duyệt, đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng như: giao thông, công nghiệp - thương mại - dịch vụ, ...

Nâng cao nhận thức về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với chính quyền đô thị, các cơ quan chuyên môn cũng như đối với cộng đồng dân cư, đẩy mạnh quản lý khai thác, sử dụng một cách hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường đô thị, phù hợp với các nội dung định hướng chiến lược phát triển đô thị bền vững của vùng và quốc gia.

Phối hợp lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án đang thực hiện hoặc đã được phê duyệt liên quan đến phát triển đô thị. Các chương trình kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng xã hội tham gia vào công tác phát triển đô thị.

#### 2. Mục tiêu xây dựng chương trình phát triển đô thị

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề xuất các chương trình, đề án nhằm thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị **đến năm 2030, Khánh Hòa là đô thị loại I - thành phố trực thuộc Trung ương**; cùng với các đơn vị hành chính trực thuộc: thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp, huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên cơ sở lợi thế về vị trí, tài nguyên và đất đai để đảm



bảo Khánh Hòa là:

- i) Một cực tăng trưởng, trung tâm khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao;
- ii) Trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế;
- iii) Đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á;
- iv) Thành phố đáng sống, nhân dân có mức sống cao, hiền hòa, hạnh phúc và là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không.
- v) Nơi có tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

Với việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, phù hợp với chương trình phát triển đô thị Quốc gia và phù hợp với các chủ trương chính sách của Tỉnh.

- Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị, phân đầu xây dựng và phát triển đô thị theo Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị đã được định hướng trong Kế hoạch nâng loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030 theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát tổng thể các tiêu chí về kinh tế – xã hội và hạ tầng đô thị, từ đó xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục những tiêu chí còn thiếu, còn yếu, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng khung và hệ thống đô thị trên toàn tỉnh; làm cơ sở để lập các đề án đánh giá nâng loại đô thị, thành lập thị xã, thị trấn, phường trong tương lai.

- Đảm bảo sự phát triển của đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đảm bảo an sinh xã hội gắn với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Nâng cao chất lượng sống người dân đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, từng bước hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính kết nối theo quy hoạch được duyệt.

#### **IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU LẬP CHƯƠNG TRÌNH**

Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Khánh Hòa với 9 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 2 thành phố (Nha Trang, Cam Ranh), 1 thị xã (Ninh Hòa), 6 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Lâm và huyện đảo Trường Sa); 139 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 35 phường, 6 thị trấn và 98 xã.



## PHẦN B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### V. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÔ THỊ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ

#### 1. Đánh giá hiện trạng chất lượng đô thị theo tiêu chí phân loại đô thị được định hướng theo Quy hoạch tỉnh

Đánh giá chất lượng đô thị được thực hiện theo nguyên tắc và phương pháp cụ thể như sau:

- Đánh giá chất lượng theo phân loại đô thị được quy hoạch: các đô thị được đánh giá theo tiêu chí của loại đô thị được định hướng theo quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Đánh giá chất lượng phân loại đô thị thực hiện đối với cả trường hợp đô thị mới dự kiến hình thành trong tương lai.

- Đánh giá theo đặc thù vùng lãnh thổ: Theo điểm c Khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 1210, sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 26 quy định đô thị thuộc vùng duyên hải miền Trung thì mức tối thiểu của các tiêu chuẩn của tiêu chí quy mô dân số bằng 80% mức quy định; mức tối thiểu của tiêu chuẩn mật độ dân số toàn đô thị bằng 70% mức quy định; các tiêu chí khác thực hiện theo quy định đối với loại đô thị tương ứng. Riêng đô thị Tô Hạp và đô thị Khánh Vĩnh được đánh giá theo đặc thù đô thị ở miền núi (đã được Ủy ban dân tộc công nhận theo Quyết định số 64/UB-QĐ ngày 26/8/1995 về công nhận các đơn vị hành chính xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao).

- Đối với thị trấn Trường Sa, việc đánh giá hiện trạng đô thị theo tiêu chí đô thị loại V được huyện Trường Sa thực hiện trong báo cáo riêng.

(Chi tiết theo Thuyết minh Tổng hợp và Phụ lục I - Đánh giá hiện trạng các đô thị đính kèm)

**BẢNG 1. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC ĐÔ THỊ**

STT	Tên đô thị	Loại đô thị được đánh giá	Tiêu chí						Tổng điểm
			Chức năng đô thị	Quy mô dân số	Mật độ dân số	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực nội thị	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực ngoại thị	
1	TP Nha Trang	I	13,75	6,62	6,2	5,88	37,94	10,00	80,39
2	TP Cam Ranh	II	9	4,7	0	1,5	22,17	7,38	44,25



STT	Tên đô thị	Loại đô thị được đánh giá	Tiêu chí						Tổng điểm
			Chức năng đô thị	Quy mô dân số	Mật độ dân số	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực nội thị	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực ngoại thị	
3	TX Ninh Hòa	III	11,72	7,4	0	0	26,76	9,00	54,88
4	KVPT ĐTM Cam Lâm (Huyện)	I	11,75	0	1,2	0	12,10	10,00	35,05
5	Đô thị Diên Khánh (Huyện)	IV	14,5	6,7	6	6	27,80	9,85	70,85
6	KVPT ĐTM Vạn Ninh (Huyện)	IV	13,25	8	6	3,7	33,26	8,27	72,48
7	TT. Tô Hạp	V	11,73	6,31	6	0	29,28	10,00	63,32
8	TT Khánh Vĩnh	V	11,87	6,2	7,5	6	30,28	10,00	71,85
9	TT. Cam Đức	IV	13,45	6,1	7,62	6,00	21,25	10,00	64,42
10	Đô thị Suối Tân	V	8,25	6,63	7	6	14,00	10,00	51,88

Ghi chú: Khu vực phát triển đô thị mới được viết tắt là KVPT ĐTM.

## 2. Đánh giá hiện trạng toàn tỉnh Khánh Hòa theo tiêu chí đô thị loại I - Thành phố trực thuộc Trung ương

### 2.1. Đánh giá hiện trạng

Ghi chú: Theo điểm c Khoản 1 Điều 9 của Nghị quyết số 1210, sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 26, quy định đô thị thuộc vùng duyên hải miền Trung thì mức tối thiểu của các tiêu chuẩn của tiêu chí quy mô dân số bằng 80% mức quy định; mức tối thiểu của tiêu chuẩn mật độ dân số toàn đô thị bằng 70% mức quy định; các tiêu chí khác thực hiện theo quy định đối với loại đô thị tương ứng.



**BẢNG 2. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KHÁNH HÒA THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI I – THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>					
<b>I</b>	<b>CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ</b>			<b>13,50 - 18</b>		<b>11</b>
<b>I</b>	<b>Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò của đô thị</b>			<b>3,75 - 5</b>		<b>5</b>
1,1	Loại đô thị		Là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển KT-XH của một vùng liên tỉnh hoặc cả nước	5	trung tâm tổng hợp cấp quốc gia về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế	5
			Là trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển KT-XH của một vùng liên tỉnh	3,75		
<b>2</b>	<b>Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>			<b>9,75 - 13</b>		<b>6</b>
2,1	Cân đối thu chi ngân sách		Dư	2	Dư	2



Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
		tỷ đồng	Đủ	1,5		
2,2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	lần	$\geq 2,1$	2		
			1,75	1,5	1,3	0
2,3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra >4%	2
			Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5		
2,4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	$\geq 10$	2		
			9,0	1,5	1,2	0
2,5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	lần	$\geq 2$	2	5,7	2
			1,5	1,5		
2,6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	$< 2,0$	2		
			2,5	1,5	3,20	0
2,7	Tỷ lệ tăng dân số	%	$\geq 2,0$	1		
			1,6	0,75	0,62	0
<b>II</b>	<b>QUY MÔ DÂN SỐ</b>			<b>6 - 8</b>		<b>6,12</b>
1	Dân số toàn đô thị	1000 người	$\geq 5.000$	2		
			800	1,5	1.254	1,55
2	Dân số khu vực nội thành, nội thị	1000 người	$\geq 3.000$	6		
			400	4,5	531,19	4,57
<b>III</b>	<b>MẬT ĐỘ DÂN SỐ</b>			<b>6 - 8</b>		<b>0</b>
1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km <sup>2</sup>	$\geq 3.000$	2		
			1.400	1,5	241	0
2	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị	người/km <sup>2</sup>	$\geq 12.000$	6		
			10.000	4,5	6.156	0
<b>IV</b>	<b>TỶ LỆ LAO ĐỘNG PHI NÔNG NGHIỆP</b>			<b>4,5 - 6</b>		<b>1,44</b>
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	$\geq 75$	1,5	73,79	1,4



STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
			65	1		
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	≥ 90	4,5	83,33	0
			85	3,5		
<b>V</b>	<b>TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ</b>			<b>45 - 60</b>		<b>41,5</b>
<b>5A</b>	<b>KHU VỰC NỘI THÀNH, NỘI THỊ</b>			<b>37,5 - 50</b>		<b>32,62</b>
	<i>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội</i>			<b>7,5 - 10</b>		<b>8,99</b>
<b>1</b>	<b>Nhà ở</b>			<b>1,5 - 2</b>		<b>1</b>
1,1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m <sup>2</sup> sàn/người	≥ 32	1	26,33	0
			28	0,75		
1,2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	≥ 95	1	98,8	1
			90	0,75		
<b>2</b>	<b>Công trình công cộng</b>			<b>6 - 8</b>		<b>7,99</b>
2,1	Đất dân dụng bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 60	1	117,4	1
			45	0,75		
2,2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	1	6,59	1
			4	0,75		
2,3	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 2	1	3	1
			1,5	0,75		
2,4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	giường / 10.000 dân	≥ 40	1	39,55	0,99
			30	0,75		
2,5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	cơ sở	≥ 50	1	61	1
			20	0,75		
2,6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	≥ 14	1	14	1
			10	0,75		
2,7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	công trình	≥ 10	1	70	1
			7	0,75		
2,8			≥ 14	1	45	1



Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	10	0,75		
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>			<b>10,5 - 14</b>		<b>9,8</b>
<b>3</b>	<b>Hệ thống giao thông</b>			<b>4,5 - 6</b>		<b>2</b>
3,1	Công trình đầu mối giao thông	cấp	Quốc tế	1	Quốc tế	1
			Quốc gia	0,75		
3,2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	≥ 24	1		
			16	0,75	14,38	0
3,3	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km <sup>2</sup>	≥ 10	2		
			8	1,5	3,71	0
3,4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 15	1	40,56	1
			13	0,75		
3,5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 20	1		
			15	0,75	0,92	0
<b>4</b>	<b>Hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng</b>			<b>2,25 - 3</b>		<b>2,8</b>
4,1	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 2.100	1	> 2.000	1
			1.100	0,75		
4,2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	100	1	100	1
			95	0,75		
4,3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	≥ 90	1		
			80	0,75	82	0,80
<b>5</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cấp nước sạch</b>			<b>1,5 - 2</b>		<b>2</b>
5,1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	≥ 130	1	130	1
			120	0,75		
5,2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	100	1	99,64	1,00
			95	0,75		
	* Đô thị có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi					0,5
<b>6</b>	<b>Hệ thống viễn thông</b>			<b>2,25 - 3</b>		<b>3</b>
6,1	Tỷ lệ thuê bao băng thông rộng di động/100 dân	%	100	1	91,99	1
			85	0,75		
6.2		%	100	1		



STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang		75	0,75	87	0,83
6.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥ 80	1		
			35	0,75	51,73	0,84
6.4	* Trường hợp đô thị có đề án đô thị thông minh để quản lý một trong số các lĩnh vực giao thông, trật tự xây dựng, y tế, giáo dục, du lịch, kiểm soát thiên tai, triều cường, bão lũ thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn đánh giá về viễn thông, công nghệ thông tin không vượt quá 3 điểm.			0,5	Có triển khai đề án đô thị thông minh	0,5
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>			<b>10,5 - 14</b>		<b>7,83</b>
7	<b>Hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng</b>			<b>2,25 - 3</b>		<b>1,5</b>
7.1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	≥ 4,5	2		
			4	1,5	3,00	0
7.2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục	%	≥ 50	1	> 50	1
			20	0,75		
7.3	* Có triển khai xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng; có thực hiện chương trình nạo vét sông, hồ, kênh, rạch... trong đô thị			0,5	Có thực hiện chương trình nạo vét sông, hồ, kênh, rạch... trong đô thị	0,5
8	<b>Hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải</b>			<b>3,75 - 5</b>		<b>2,83</b>
8.1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 50	2		
			30	1,5	6,23	0
8.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 85	1	99,06	1
			70	0,75		
8.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	100	1		
			90	0,75	91,4	0,83
8.4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 90	1	91,4	1
			80	0,75		
9	<b>Nhà tang lễ</b>			<b>1,5 - 2</b>		<b>1</b>



Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
9,1	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 4	1	4	1
9,2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	%	2	0,75		
10	<b>Cây xanh đô thị</b>		≥ 60	1		
			30	0,75	5	0
10,1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 15	3 - 4		2,5
			10	2	15	2
10,2	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 6	1,5		
			5	2		
				1,5	4,50	0
10.3	* Khu vực nội thành, nội thị dành tối thiểu 20% quỹ đất để phát triển không gian xanh, bao gồm: hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, sông hồ ao, không gian mở ven mặt nước, công viên, vườn hoa trong đô thị, cây xanh trong các khu đô thị, cây xanh trong công trình công cộng, taluy, kè sông, kênh, rạch (nếu có) được phủ xanh			0,5		0,5
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc cảnh quan đô thị</b>			9 - 12		6
11	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	quy chế	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2
			75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,5		
12	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 60	2		
			50	1,5		0
13	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	dự án	≥ 6	2		
			4	1,5	>2	0
14	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	≥ 7	2	13	2
			5	1,5		
15	Công trình kiến trúc tiêu biểu	công trình	Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia đặc biệt	2		



STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
			Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I, loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	1,5	18 công trình là di tích cấp quốc gia	1,5
16	Công trình xanh	công trình	Có 02 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận	1		
			Có 01 công trình đã được cấp giấy chứng nhận	0,75		0
17	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	≥ 6	1		
			4	0,75	1	0
	* Trường hợp đô thị có Quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đạt một hoặc một số mục tiêu tăng trưởng xanh hoặc phát triển đô thị thông minh hoặc phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đô thị có trên 10 công trình đô thị được cấp chứng nhận công trình xanh thì được cộng 0,5 điểm; có trên 5 công trình thì được cộng 0,3 điểm nhưng đảm bảo tổng số điểm nhóm tiêu chuẩn này không quá 12 điểm.					0,5
5B	<b>KHU VỰC NGOẠI THÀNH, NGOẠI THỊ (nếu có)</b>			<b>7,0 - 10</b>		<b>8,88</b>
	<b>VỀ HẠ TẦNG XÃ HỘI</b>			<b>3 - 4</b>		<b>3</b>
1	Trường học	%	≥ 80	1	79,3	1
			70	0,75		
2	Cơ sở vật chất văn hóa	%	≥ 80	1	80,4	1
			70	0,75		
3	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	%	≥ 80	1	95,7	1
			70	0,75		
4	Nhà ở dân cư	%	100	1		



STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
			95	0,75	68,5	0
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>			<b>3 - 4</b>		<b>3,88</b>
5	Giao thông	%	≥ 70	2	90,2	2
			50	1,5		
6	Điện	%	≥ 90	1	98,9	1
			80	0,75		
7	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	≥ 70	1		
			50	0,75	66,3	0,88
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>			<b>0,75 - 1</b>		<b>1,0</b>
8	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	%	≥ 90	1,0	100	1,0
			80	0,75		
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan</b>			<b>0,75 - 1</b>		<b>1,0</b>
9	Quy đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ	%	≥ 90	1,0	≥ 90	1,0
			80	0,75		
	<b>Tổng cộng</b>					<b>60,06</b>

Qua phân tích từ bảng đánh giá tổng hợp trên, Khánh Hòa với tổng số điểm 60,06/100 điểm, chưa đạt tiêu chí đô thị loại I (yêu cầu đạt tối thiểu 75/100 điểm); trong đó:

- 34 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa;
- 9 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình hoặc tối thiểu;
- 20 tiêu chuẩn chưa đạt.



**BẢNG 3. BẢNG THỐNG KÊ CÁC TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT ĐIỂM**

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
<b>I</b>	<b>CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ</b>					
	<b>Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>					
1	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	lần	≥ 2,1 1,75	2 1,5	1,3	0
2	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	≥ 10 9,0	2 1,5	1,2	0
3	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	<2,0 2,5	2 1,5	3,20	0
4	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥2,0 1,6	1 0,75	0,62	0
<b>III</b>	<b>MẬT ĐỘ DÂN SỐ</b>					
5	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km <sup>2</sup>	≥ 3.000 1.400	2 1,5	241,14	0
6	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị	người/km <sup>2</sup>	≥ 12.000 10.000	6 4,5	6.156	0
<b>IV</b>	<b>TỶ LỆ LAO ĐỘNG PHI NÔNG NGHIỆP</b>					
7	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	≥ 90 85	4,5 3,5	83,33	0
<b>V</b>	<b>TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ</b>					
	<b>KHU VỰC NỘI THÀNH, NỘI THỊ</b>					
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội</b>					
8			≥ 32	1		



Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	m <sup>2</sup> sàn/người	28	0,75	26,33	0
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>					
	<b>Hệ thống giao thông</b>					
9	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	≥ 24	1		
			16	0,75	14,38	0
10	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km <sup>2</sup>	≥ 10	1		
			8	0,75	3,71	0
11	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 20	1		
			15	0,75	0,92	0
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>					
	<b>Hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng</b>					
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	≥ 4,5	2		
			4	1,5	3	0
	<b>Thu gom xử lý nước thải, chất thải</b>					
13	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 50	2		
			30	1,5	6,23	0
	<b>Nhà tang lễ</b>					
14	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	%	≥ 60	1		
			30	0,75	5	0
	<b>Cây xanh đô thị</b>					
15	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 6	2		
			5	1,5	4,50	0
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc cảnh quan đô thị</b>					
16	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 60	2		
			50	1,5	0	0
17	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường	Dự án	≥ 6	2		



STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
	đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện		4	1,5	2	0
18	Công trình xanh	công trình	Có 02 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận	1		
			Có 01 công trình đã được cấp giấy chứng nhận	0,75	0	0
19	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	≥ 6	1		
			4	0,75	1	0
<b>KHU VỰC NGOẠI THÀNH, NGOẠI THỊ</b>						
	Về hạ tầng xã hội					
20	Nhà ở dân cư	%	100	1		
			95	0,75	68,5	0

## 2.2. Giải pháp khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu

Dựa trên bản tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng Khánh Hòa theo tiêu chí đô thị loại I nêu trên, Chương trình đề ra các giải pháp khắc phục các tiêu chuẩn, tiêu chí chưa đạt điểm như sau:



**BẢNG 4. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CÁ TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT YÊU CẦU**

STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN	
1	Thu nhập bình quân đầu người/ năm so với cả nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, giải phóng lao động, tạo động lực để chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Tăng đầu tư phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch từ đó làm thay đổi cơ cấu lao động toàn bộ nền kinh tế theo hướng tăng nhu cầu lao động phi nông nghiệp; phát triển mạnh khu vực công nghiệp, dịch vụ ở cả nông thôn và thành thị.</li> <li>- Chuyển dịch bền vững lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm, qua đó, kết nối cung - cầu lao động, làm cho thị trường lao động vận hành tốt và hiệu quả.</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>	
2	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình ba năm gần nhất		<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>	
3	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều		<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>	
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị			
5	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tự nhiên và cơ học)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tốc độ tăng dân số cơ học hàng năm.</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
6	Mật độ dân số toàn đô thị		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chính sách phù hợp để quản lý và phát triển dân số;</li> <li>- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo công tác dân số các cấp;</li> <li>- Xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thu hút và giữ chân lực lượng tri thức, lực lượng lao động tới làm việc tại tỉnh Khánh Hòa.</li> </ul>	
7	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn			



STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
8	Diện tích sàn nhà ở bình quân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo nâng cấp quỹ nhà ở cũ; XD nhà ở tại các KĐTM với nhiều loại hình. Triển khai và hoàn thành các dự án nhà ở xã hội.</li> <li>- Khu vực dân cư cũ (thuộc các khu phố cũ): Giữ lại không gian kiến trúc văn hoá truyền thống các khu dân cư đô thị hiện hữu, phố cũ. Hạn chế không di dời dân cư và xây dựng nhà cao tầng, khuyến khích giữ nguyên mật độ xây dựng và tầng cao như hiện nay, từng bước cải tạo xây dựng chỉnh trang. Bổ xung và hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng.</p> <p>UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
9	Nhà ở dân cư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai kêu gọi thu hút đầu tư các khu đô thị mới, khu dân cư mới; Phát triển các khu nhà ở mới theo hướng hiện đại, tầng cao phù hợp với tổ chức không gian đô thị trong từng khu vực.</li> </ul>	
10	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đường bộ: Đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị và ngoại thị, đảm bảo kết nối liên thông và được phân cấp rõ ràng. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, sở ngành của tỉnh hoàn chỉnh các trục giao thông đối ngoại.</li> <li>- Đầu tư nâng cấp các tuyến trục dọc chính và tuyến trục ngang chính theo quy hoạch tỉnh nhằm đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc TW;</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Giao thông Vận tải.</p> <p>UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
11	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 14$ m)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hoàn thiện, hiện đại các công trình phục vụ giao thông, tạo thành các đầu mối kết nối liên thông giữa các loại hình vận tải: Đường bộ, đường biển...</li> <li>- Rà soát mạng lưới, đánh giá hiệu quả và tiếp tục tăng khả năng tiếp cận các tuyến vận tải công cộng.</li> </ul>	
12	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát kết nối với các loại hình vận tải hành khách công cộng đa dạng, kết nối từ không gian, thời gian, thông tin; tổ chức hoạt động vận tải để các loại hình hỗ trợ nhau, cùng thu hút người dân sử dụng vận tải hành khách công cộng, từ phương tiện sức chứa lớn đến sức chứa nhỏ.</li> </ul>	



STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHÁC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
13	Mật độ đường cống thoát nước chính	<p>Đầu tư xây dựng các công trình thu gom, thoát nước thải đô thị và khu dân cư tập trung phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước thải đô thị theo từng lưu vực thoát nước. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả vào nguồn tiếp nhận;</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Tài nguyên và Môi trường. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
14	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	<p>Riêng đối với các khu đô thị, khu dân cư tập trung mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để tổ chức đàu nổi, thu gom và vận chuyển nước thải, đáp ứng nhu cầu thoát nước trong khu vực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn chế tối đa việc xả chất thải nguy hại ra ngoài môi trường;</li> <li>- Tăng cường công tác phân loại rác tại nguồn, vận chuyển chất thải rắn về khu xử lý chất thải của khu vực theo quy hoạch tỉnh đã đề xuất. Đặc biệt đối với chất thải nguy hại cần được quản lý chặt chẽ và đưa về khu xử lý chất thải nguy hại theo đúng tiêu chí kỹ thuật, quy định pháp luật hiện hành.</li> <li>- Tăng cường thu gom và xử lý rác thải ở khu vực đô thị, thành thị; đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý ở khu vực các xã, phường, thị trấn vừa đáp ứng được nhu cầu chung vừa đáp ứng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.</li> <li>- khuyến khích chọn công nghệ xử lý rác thải, chất thải nguy hại bằng công nghệ sinh học sau khi xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Tài nguyên và Môi trường UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>



STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng rộng rãi hình thức hòa táng trong việc tang là góp phần thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa tại các khu dân cư;</li> <li>- Khuyến khích sử dụng hình thức hòa táng tiên tiến, hiện đại trong việc tang nhằm góp phần bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tiết kiệm đất đai và hướng tới phát triển bền vững;</li> <li>- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở hòa táng cũng như nghiên cứu, chế tạo, sản xuất và cung cấp các thiết bị hòa táng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và đảm bảo vệ sinh môi trường.</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Tài nguyên và Môi trường UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
16	Tỷ lệ tuyển phố văn minh đô thị	<p>Sở ngành, cơ quan chuyên môn theo chức năng được giao, có trách nhiệm tham mưu, ban hành quy định tuyển phố văn minh đô thị. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực hiện</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở ngành, cơ quan chuyên môn theo chức năng được giao UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
17	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo điều kiện, khuyến khích cho chủ đầu tư tích cực trong phát triển công viên cây xanh của dự án, khuyến khích các thành phần khác tham gia xã hội hóa phát triển, khai thác, bảo dưỡng công viên cây xanh công cộng;</li> <li>- Tăng cường phát triển cây xanh đối với khu vực nội thành, nội thị;</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng/Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
18	Công trình xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa trên hệ thống văn bản quy chuẩn, tiêu chuẩn các hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng công trình xanh... UBND tỉnh cần sớm xây dựng cơ chế chính sách, tài chính khuyến khích phát triển công trình xanh trên địa bàn. Quan tâm phát triển công trình xanh trong thể loại: nhà ở, nhà công cộng, tòa nhà thương mại... Xây dựng các mô hình thực hiện từ chính sách - thí điểm - lựa chọn hình mẫu chuẩn - áp dụng nhân rộng.</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng/Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>



STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
19	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	Đẩy mạnh triển khai thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.	Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
20	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Triển khai lập quy hoạch, thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt các khu chức năng đô thị, khu đô thị mới theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh theo Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển bền vững đô thị.	Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.

## VI. TỔ CHỨC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

### 1. Rà soát, đánh giá hiện trạng Khánh Hòa theo tiêu chuẩn Thành phố trực thuộc Trung ương

Để chuẩn bị cho Khánh Hòa trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030, Khánh Hòa cần phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Mục 2 Chương I - Nghị quyết 1211, được sửa đổi bởi Nghị quyết số 27 của Quốc hội về tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính, cụ thể:

### BẢNG 5. BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ KHÁNH HÒA THEO TIÊU CHUẨN THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW

STT	Hạng mục	Tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc TW	Khánh Hòa		Đánh giá hiện trạng
			Hiện trạng 2022	Dự kiến 2030	
1	Quy mô dân số (người)	1.000.000	1.253.969	1.341.239	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	1.500	5.200,1	5.200,1	Đạt



STT	Hạng mục	Tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc TW	Khánh Hòa		Đánh giá hiện trạng
			Hiện trạng 2022	Dự kiến 2030	
3	Số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc	9	9	9	Đạt
4	Tỷ số quận trên tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	$\geq 2$	-	-	Chưa đạt
5	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	Dư	Dư	Đạt
6	Thu nhập bình quân đầu người so với cả nước (lần)	1,75	1,25	1,75	Chưa đạt
7	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của cả nước	Cao hơn bình quân cả nước	Cao hơn bình quân cả nước	Đạt
8	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của cả nước	Thấp hơn bình quân cả nước	Thấp hơn bình quân cả nước	Đạt
9	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	90%	90,90%	93,50%	Đạt
10	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường.	90%	83,33%	90%	Chưa đạt

Chương trình đưa ra định hướng tổ chức, sắp xếp các đơn vị hành chính là đô thị cấp huyện, chuẩn bị các điều kiện để Khánh Hòa đạt tiêu chuẩn thành lập Thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030 như sau:

## 2. Phương án tổ chức sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị cấp huyện

Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã xác định phát triển đột phá 03 vùng trọng điểm - động lực của tỉnh - là Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang và khu vực vịnh Cam Ranh. Trong đó:

i) Khu vực vịnh Vân Phong: Phát triển khu vực vịnh Vân Phong (Khu kinh tế Vân Phong) **trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại**, địa bàn động lực phát triển của tỉnh Khánh Hòa nói riêng và khu vực Nam Trung Bộ nói chung. Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế; định hướng lâu dài phát triển khu phi thuế quan và cảng trung chuyển quốc tế khi có đủ điều kiện. Khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển, là khu vực tập trung phát triển các khu công nghiệp, công nghiệp năng lượng tái tạo, chế biến dầu khí, đóng tàu, dịch vụ logistics, dịch vụ vận tải biển và các ngành công nghiệp phụ trợ,... cùng với các dự án khu đô thị, dịch vụ du lịch ven biển.

ii) Thành phố Nha Trang: Phát triển thành phố Nha Trang là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực; phát



huy hiệu quả hơn nữa vai trò một cực tăng trưởng quan trọng, cửa ngõ hội nhập quốc tế của tỉnh Khánh Hòa.

iii) Khu vực vịnh Cam Ranh: Phát triển khu vực vịnh Cam Ranh là vùng trọng điểm về kinh tế, xã hội gắn với quốc phòng, an ninh; trong đó phát triển thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics, huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế.

Theo đó, việc nghiên cứu đề xuất phương án tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện của Khánh Hòa - thành phố trực thuộc Trung ương, trọng tâm đối với việc tổ chức thành lập 2 quận trực thuộc sẽ dựa vào nguyên tắc lựa chọn trong 3 vùng trọng điểm - động lực phát triển của tỉnh; cụ thể như sau:

**Đề xuất thành lập 01 quận tại "vùng trọng điểm - động lực phía Bắc" - Vịnh Vân Phong và 01 quận tại "vùng trọng điểm - động lực phía Nam" - Vịnh Cam Ranh**

Khánh Hòa giữ nguyên tổng số 09 đơn vị hành chính cấp huyện, được tổ chức như sau:

- Thành phố Nha Trang, thành phố Cam Lâm (thành lập trên cơ sở dân số, diện tích của huyện Cam Lâm)

- 02 quận, gồm:

+ Quận Ninh Hòa được thành lập trên cơ sở một phần diện tích, dân số thị xã Ninh Hòa, điều chỉnh sắp xếp một số xã phù hợp sang các địa phương khác để bảo đảm tiêu chí, tiêu chuẩn thành lập quận.

+ Quận Cam Ranh được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của thành phố Cam Ranh.

- 02 Thị xã gồm: thị xã Diên Khánh, thị xã Vạn Ninh (thành lập trên cơ sở dân số, diện tích của huyện Diên Khánh và huyện Vạn Ninh).

- 03 Huyện: Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Trường Sa.

### **2.1. Ưu điểm:**

+ Cam Ranh hiện đã có 9 phường nội thành trực thuộc, dự kiến đến 2025 nâng cấp xã Cam Thành Nam, Cam Thịnh Đông thành phường;

+ Ninh Hòa hiện đã có 7 phường nội thị trực thuộc, dự kiến đến 2025 nâng cấp tiếp 7 xã lên phường; đồng thời đang tập trung phát triển khu công nghiệp mạnh mẽ theo đúng định hướng NQ-09/TW của Bộ Chính trị và Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tạo điều kiện để tăng tốc đô thị hóa và thu hút dân cư.

+ Không làm tăng số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, đảm bảo phù hợp định hướng tổ chức hệ thống đơn vị hành chính lãnh thổ của Bộ Chính trị, Ủy ban



thường vụ Quốc hội, Chính phủ tại các Nghị quyết số 37/NQ-TW, NQ 35/2023/UBTVQH15, NQ 117/NQ-CP;

+ Tiếp tục phát huy giá trị thương mại mang tính lịch sử, biểu tượng quốc tế của tên gọi truyền thống "Thành phố biển Nha Trang".

## **2.2. Hạn chế:**

Cam Ranh, Ninh Hòa cần phấn đấu đạt tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính để thành lập Quận và các phường nội thị; riêng đối với Ninh Hòa cần thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã về huyện Vạn Ninh và Khánh Vĩnh.

## **3. Đề xuất giải pháp (dự phòng)**

Từ các phân tích đánh giá nêu trên, để kịp thời đạt mục tiêu thành lập Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030 theo Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chương trình đề ra giải pháp (dự phòng) nhằm khắc phục hạn chế như sau:

### **3.1. Thành lập thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở các điều kiện đặc thù**

Căn cứ điểm e Khoản 1 Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15): "Trường hợp để đáp ứng yêu cầu đặc biệt về quản lý lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội thì cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định thành lập hoặc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mà không áp dụng các tiêu chuẩn quy định tại Chương I của Nghị quyết này";

Theo đó, đến năm 2030 Quốc hội có thể quyết định thành lập Khánh Hòa - Thành phố trực thuộc TW trên cơ sở toàn bộ dân số, diện tích của tỉnh Khánh Hòa với 9 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc theo hiện trạng gồm (Thành phố Nha Trang, Thành phố Cam Ranh, Thị xã Ninh Hòa, các huyện Cam Lâm, Diên Khánh, Vạn Ninh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và Trường Sa) mà không cần áp dụng tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc TW theo Điều 4 Mục 2 Chương I - Nghị quyết số 1211 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 27).

#### **Do Khánh Hòa với các đặc điểm:**

i) Có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải miền Trung.



ii) Huyện đảo Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

iii) Khu kinh tế Vân Phong là hạt nhân tăng trưởng kinh tế, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ - du lịch của khu vực Nam Trung Bộ, vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ và là một đầu mối giao lưu quốc tế, trung tâm du lịch quan trọng của Việt Nam.

Đồng thời:

iv) Nghị quyết số 09/NQ-TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị tiếp tục xác định mục tiêu đến năm 2030 “Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển”.

v) Tại Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó xác định rõ việc “*giảm cấp chính quyền phù hợp*”, sắp xếp các đơn vị hành chính phù hợp với quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương.

*Ghi chú: Chương trình đề xuất Phương án tổ chức đơn vị hành chính nhằm đảm bảo Khánh Hòa đạt số lượng quận (tối thiểu) trực thuộc theo tiêu chuẩn Thành phố trực thuộc Trung ương, làm định hướng để các địa phương có liên quan triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức đơn vị hành chính trong các đề án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, chương trình phát triển đô thị và trong các đề án tổ chức sắp xếp đơn vị hành chính của ngành Nội vụ.*

*Riêng đối với Ninh Hòa và Cam Ranh, theo phương án thành lập quận nêu trên, nghiên cứu, đề xuất tổ chức sắp xếp, điều chỉnh, sáp nhập các xã, phường trong phạm vi địa bàn của mình đảm bảo số phường thuộc quận theo quy định.*

#### **4. Phương án tổ chức sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã**

Hiện nay phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn năm 2023-2025 được giao Sở Nội vụ thực hiện theo Tờ trình số 459-TTr/BCSD ngày 10/10/2023 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai



đoạn 2023 – 2025 theo các quy định hiện hành, tình hình thực tế và phương án sắp xếp của các địa phương.

**Việc nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn để đảm bảo thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sẽ được tiếp tục nghiên cứu, đề xuất trong giai đoạn sau năm 2025 đến 2030.**

#### **5. Tầm nhìn phát triển Thành phố Khánh Hòa đến năm 2045**

Đáp ứng thực tiễn phát triển của Thành phố Khánh Hòa, tiếp tục rà soát, đánh giá, để phát triển hệ thống đơn vị hành chính đô thị phù hợp, từ số lượng và cơ cấu đơn vị hành chính (gồm 02 quận, 02 thành phố, 02 thị xã, 03 huyện), phát triển thị xã/thành phố thành quận, phát triển huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao, phát triển vững chắc huyện đảo Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

### **VII. DANH MỤC LỘ TRÌNH, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ**

#### **1. Giai đoạn đến năm 2025**

Đến năm 2025, hệ thống đô thị thuộc tỉnh Khánh Hòa bao gồm:

- Thành phố Nha Trang hoàn thiện 100% các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I thuộc tỉnh; các xã ngoại thành phấn đấu hoàn thiện tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường nội thành.
- Thành phố Cam Ranh tiếp tục nâng cấp chất lượng đô thị, đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn về trình độ cơ sở hạ tầng, kiến trúc cảnh quan của đô thị loại II;
- Thị xã Ninh Hòa – đô thị loại IV, tiếp tục phấn đấu nâng cấp chất lượng đô thị, cơ bản đạt một số tiêu chí của đô thị loại III;
- Thị xã Diên Khánh (thành lập trên cơ sở dân số, diện tích của huyện Diên Khánh) - đô thị loại IV.
- Vạn Ninh: đạt tiêu chí của đô thị loại IV, tiêu chuẩn thị xã thuộc tỉnh Khánh Hòa; trong đó thị trấn Vạn Giã (hiện trạng đô thị loại IV), đô thị Đại Lãnh (hiện trạng đô thị loại V) đạt tiêu chuẩn trình độ cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường nội thị.
- Thị trấn Cam Đức (huyện Cam Lâm): cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV.
- Các đô thị loại V:
  - Suối Tân: Đô thị mới thuộc huyện Cam Lâm;
  - Tô Hạp: Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Sơn;



Khánh Vĩnh: Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Vĩnh;

Trường Sa: Thị trấn huyện lỵ huyện Trường Sa.

## 2. Giai đoạn năm 2026 đến 2030

Trong giai đoạn 2026 - 2030, Khánh Hòa tiếp tục hoàn thiện tiêu chí là đô thị loại I - Thành phố trực thuộc Trung ương; các đô thị trực thuộc tập trung thực hiện các dự án tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn còn thấp theo loại đô thị được quy hoạch; trong đó triển khai thành lập, công nhận, nâng loại một số đô thị, cụ thể:

- Thành phố Nha Trang tiếp tục là đô thị loại I; thành lập phường nội thành trên cơ sở các xã ngoại thành đã đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

- Thành phố Cam Ranh – hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II; đồng thời cơ bản đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập quận.

- Thị xã Ninh Hòa – hoàn thiện tiêu chí đô thị loại III; đồng thời cơ bản đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập quận.

- Thị xã Diên Khánh – đô thị loại IV;

- Thành lập thị xã Vạn Ninh - đô thị loại IV và các phường nội thị (trên cơ sở huyện Vạn Ninh và các khu vực phát triển đô thị theo Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong);

- Huyện Cam Lâm chuẩn bị các điều kiện thành lập đô thị Cam Lâm, phấn đấu đạt tiêu chí của đô thị loại I, dự kiến là thành phố thuộc tỉnh Khánh Hòa vào năm 2030. Thị trấn Cam Đức, đô thị Suối Tân và một số xã trực thuộc hoàn thiện tiêu chuẩn trình độ cơ sở hạ tầng đô thị của phường thuộc thành phố Cam Lâm;

- Các thị trấn đô thị loại V:

+ Tô Hạp: Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Sơn; phấn đấu đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, đặc thù miền núi.

+ Khánh Vĩnh: Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Vĩnh; phấn đấu đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, đặc thù miền núi.

+ Trường Sa: Thị trấn huyện lỵ huyện Trường Sa; phấn đấu đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, đặc thù hải đảo.

## 3. Tầm nhìn đến năm 2045

Trên cơ sở kết quả thực hiện phát triển đô thị giai đoạn 2026 – 2030; giai đoạn sau năm 2030 đến 2045, Khánh Hòa hoàn thiện tiêu chí là đô thị loại I - Thành phố trực thuộc Trung ương; đáp ứng khả năng cơ quan thẩm quyền bổ sung



tiêu chí, tiêu chuẩn, liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phân loại đô thị (như ứng dụng công nghệ số để phát triển đô thị thông minh, phát triển hạ tầng giao thông công cộng gắn với xây dựng mô hình đô thị TOD...) và phù hợp Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia hiện đang được nghiên cứu soạn thảo.

Đối với các đô thị trên địa bàn tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị cụ thể:

- Thành phố Nha Trang - đô thị loại I; nghiên cứu phát triển theo mô hình chính quyền đô thị thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thành phố Cam Lâm - đô thị loại I; hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn của thành phố thuộc Khánh Hòa – Thành phố trực thuộc TW.

- Cam Ranh, Ninh Hòa hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn của Quận thuộc Khánh Hòa – Thành phố trực thuộc TW.

- Thị xã Diên Khánh và thị xã Vạn Ninh là các đô thị loại IV;

- Các thị trấn phân đầu cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV, đô thị có tính chất đặc thù:

+ Tô Hạp: Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Sơn, đặc thù miền núi;

+ Khánh Vĩnh: Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Vĩnh, đặc thù miền núi;

+ Trường Sa: Thị trấn huyện lỵ huyện Trường Sa, đặc thù hải đảo.

Ngoài ra, tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao đối với các huyện Khánh Vĩnh và Khánh Sơn cùng với các xã thuộc thành phố Cam Lâm, thị xã Diên Khánh và thị xã Vạn Ninh. Tiếp tục xây dựng huyện đảo Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

**BẢNG 6. BẢNG TỔNG HỢP LỘ TRÌNH NÂNG CẤP, PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ CHO GIAI ĐOẠN 2023 - 2030**

STT	Đô thị	Loại ĐT Hiện trạng	Nâng cấp, phân loại	Lộ trình
	Tỉnh Khánh Hòa	-	Phân đầu cơ bản hoàn thiện tiêu chí là đô thị loại I - Thành phố trực thuộc Trung ương	2023 - 2028
			Công nhận đạt tiêu chí đô thị loại I	2028
1	TP Nha Trang	I	Đầu tư xây dựng phát triển đô thị, hoàn thiện các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các xã ngoại thị dự kiến thành lập phường nội thị; - Công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.	2023 - 2030



Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

STT	Đô thị	Loại ĐT Hiện trạng	Nâng cấp, phân loại	Lộ trình
2	TP Cam Ranh	III	- Tiếp tục tập trung hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại II - Công nhận các xã dự kiến thành lập phường (nếu có) đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.	2023 - 2027
			- Công nhận đạt tiêu chí đô thị loại II.	2027 - 2028
3	TX Ninh Hòa	IV	- Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV, lập đề án trình cơ quan thẩm quyền công nhận loại theo quy định. - Đầu tư xây dựng phát triển đô thị, hoàn thiện các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các xã ngoại thị dự kiến thành lập phường nội thị; - Tiếp tục tập trung hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại III.	2023 - 2030
			- Công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.	2025 - 2026
			- Công nhận TX Ninh Hòa đạt tiêu chí đô thị loại III	2027 - 2028
4	Đô thị Diên Khánh	IV	- Đầu tư xây dựng phát triển đô thị, hoàn thiện các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các xã ngoại thị dự kiến thành lập phường nội thị; - Công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.	2023 - 2025
			Thành lập thị xã Diên Khánh và các phường nội thị.	2025
5	Huyện Vạn Ninh	-	- Tập trung phát triển huyện Vạn Ninh theo tiêu chí của đô thị loại IV; - Đầu tư xây dựng phát triển đô thị, hoàn thiện các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các xã ngoại thị dự kiến thành lập phường nội thị; trong đó ưu tiên thu hút đầu tư các khu vực phát triển đô thị theo Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân phong để thành lập các phường nội thị.	2023 - 2030
			- Công nhận Vạn Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV.	2025
			- Công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.	2025 - 2027



STT	Đô thị	Loại ĐT Hiện trạng	Nâng cấp, phân loại	Lộ trình
			- Thành lập thị xã Vạn Ninh trên cơ sở huyện Vạn Ninh và các phường nội thị;	
6	Huyện Cam Lâm	-	- Đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phấn đấu hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại I theo quy hoạch tỉnh - Đồng thời hoàn thiện các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các khu vực xã dự kiến thành lập phường nội thị	2023 - 2030
			- Công nhận thị trấn Cam Đức đạt tiêu chí đô thị loại IV	2025
			- Công nhận Cam Lâm đạt tiêu chí đô thị loại I - Công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị. - Thành lập thành phố Cam Lâm và các phường nội thành	2028 - 2030
7	TT. Khánh Vĩnh (Huyện Khánh Vĩnh)	V	Tập trung hoàn thiện các tiêu chuẩn tiêu chí của đô thị loại V, cố gắng phấn đấu đạt cơ bản các tiêu chí của đô thị loại IV, đặc thù miền núi.	2023 - 2030
8	TT. Tô Hạp (Huyện Khánh Sơn)	V	Tập trung hoàn thiện các tiêu chuẩn tiêu chí của đô thị loại V, cố gắng phấn đấu đạt cơ bản các tiêu chí của đô thị loại IV, đặc thù miền núi.	2023 - 2030
9	TT. Trường Sa (Huyện Trường Sa)	V	Đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phấn đấu hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V, cố gắng phấn đấu đạt cơ bản các tiêu chí của đô thị loại IV, đặc thù hải đảo.	2023 - 2030

Trên cơ sở phương án tổ chức đơn vị hành chính trực thuộc Khánh Hòa và kế hoạch nâng loại đô thị nêu trên, Chương trình tổng hợp tổ chức hệ thống đô thị theo từng giai đoạn như sau:



**BẢNG 7. BẢNG TỔNG HỢP TỔ CHỨC HỆ THỐNG ĐÔ THỊ THEO TỪNG GIAI ĐOẠN**

STT	Tên Đô thị/ ĐVHC	Hiện trạng	Năm 2025	2026 - 2029	Năm 2030	Năm 2045
1	Khánh Hòa	-	-	-	TP trực thuộc TW - đô thị loại I	TP trực thuộc TW - đô thị loại I
2	Tp. Nha Trang	I	I	I	I	I
3	Tp. Cam Ranh	III	Cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II	II	II – khu vực dự kiến thành lập Quận	Quận
4	TX. Ninh Hòa	IV	IV	Đạt tiêu chí đô thị loại III	III – khu vực dự kiến thành lập Quận	Quận
5	H. Diên Khánh	IV	Thị xã – loại IV	IV	IV	IV
6	H. Vạn Ninh	-	Cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV	Thành lập Thị xã - đô thị loại IV	IV	IV
	TT. Vạn Giã	IV	IV	Phường	-	-
	Đại Lãnh	V	V	Phường	-	-
7	H. Cam Lâm	-	-	-	Đô thị loại I, dự kiến thành lập thành phố	I
	TT. Cam Đức	V	IV	IV	Phường	-
	Suối Tân	V	V	V	Phường	-
8	TT. Tô Hạp	V	V	V	V	IV
9	TT. Khánh Vĩnh	V	V	V	V	IV
10	TT Trường Sa	V	-	-	-	IV



## VIII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU 2023 – 2028

(Chi tiết theo Thuyết minh Tổng hợp)

### BẢNG 8. TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN ĐẦU 2023 – 2030

Về kinh phí, nguồn vốn thực hiện lập các chương trình, đề án theo bảng dưới đây sẽ do cơ quan được giao chủ trì thực hiện lập dự toán chi tiết, trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Đơn vị hành chính/đô thị	Chương trình ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/thực hiện	Cơ quan phê duyệt
Tỉnh Khánh Hòa	Căn cứ Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050: Lập, phê duyệt quy hoạch/điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành nhằm cụ thể hóa nội dung chuyên ngành trong quy hoạch tỉnh.	2024 - 2025	UBND tỉnh phân công, giao nhiệm vụ cho Sở ngành theo thẩm quyền	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt các đề án trọng tâm thực hiện phát triển bền vững đô thị (đề án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu và kịch bản nước biển dâng, đề án phát triển đô thị thông minh...).	2024 - 2025	UBND tỉnh phân công, giao nhiệm vụ cho Sở ngành theo thẩm quyền	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa (khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc TW).	2024 - 2025	UBND tỉnh/Sở Xây dựng	Thủ tướng Chính phủ
	- Lập, trình phê duyệt Chương trình Phát triển đô thị Khánh Hòa (khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc TW).	2025 - 2026	Sở Xây dựng	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt đề án công nhận Khánh Hòa đạt tiêu chí đô thị loại I.	2028	UBND tỉnh/Sở Xây dựng	Thủ tướng Chính phủ
	- Lập, trình phê duyệt Đề án thành lập Thành phố Khánh Hòa trực thuộc TW; các quận thuộc thành phố, phường thuộc quận (tạm gọi tên là thành phố Khánh Hòa)	2028 - 2029	Bộ Nội vụ, UBND tỉnh/Sở nội vụ	Quốc hội
Thành phố Nha Trang	- Lập, trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang.	2023	UBND tỉnh/Sở Xây dựng	Thủ tướng
	- Lập, trình phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Nha Trang.	2023 - 2024	Tp Nha Trang	UBND tỉnh



Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đơn vị hành chính/đô thị	Chương trình ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/thực hiện	Cơ quan phê duyệt
	- Lập, trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị	2024	Theo thẩm quyền của UBND tỉnh (*)	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt đề án công nhận các xã dự kiến thành lập phường nội thành đạt tiêu chuẩn trình độ cơ sở hạ tầng đô thị.	2027 - 2028	UBND tỉnh/Sở Xây dựng/Tp Nha Trang	Bộ Xây dựng
	- Lập, trình phê duyệt đề án điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập mới các phường nội thành theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và theo định hướng quy hoạch chung thành phố Nha Trang.	2028 - 2029	UBND tỉnh/Sở Nội vụ/Tp Nha Trang	UBTV Quốc hội
<b>Thành phố Cam Ranh</b>	Lập, phê duyệt quy hoạch chung thành phố Cam Ranh	2023	Tp Cam Ranh	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Cam Ranh.	2024	Tp Cam Ranh	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị	2024	Theo thẩm quyền của UBND tỉnh (*)	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt đề án nâng loại, công nhận Cam Ranh đạt tiêu chí đô thị loại II	2027 - 2028	UBND tỉnh/Sở Xây dựng/Tp Cam Ranh	Thủ tướng Chính phủ
<b>Huyện Cam Lâm</b>	Lập, trình phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Cam Lâm, định hướng đô thị loại I	2023	UBND tỉnh/Sở Xây dựng	Thủ tướng Chính phủ
	- Lập, phê duyệt Quy hoạch phân khu các khu vực dự kiến thành lập phường.	2024 - 2025	Huyện Cam Lâm	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Cam Lâm.	2024	Huyện Cam Lâm	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị	2024	Theo thẩm quyền của UBND tỉnh (*)	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt đề án công nhận Cam Đức đạt tiêu chí đô thị loại IV	2025	Huyện Cam Lâm	Bộ Xây dựng
	Lập, trình phê duyệt đề án công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ cơ sở hạ tầng đô thị.	2027 - 2028	Huyện Cam Lâm	Bộ Xây dựng



Đơn vị hành chính/đô thị	Chương trình ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/thực hiện	Cơ quan phê duyệt
	- Lập, trình phê duyệt đề án công nhận Cam Lâm đạt tiêu chí đô thị loại I	2028 - 2029	Sở Xây dựng/Huyện Cam Lâm	Bộ Xây dựng
	- Lập, trình phê duyệt đề án thành lập đô thị Cam Lâm dự kiến là thành phố đô thị loại I và các phường nội thành theo định hướng quy hoạch chung đô thị Cam Lâm.	2029 - 2030	UBND tỉnh/Sở Nội vụ/Huyện Cam Lâm	Quốc hội
<b>Thị xã Ninh Hòa</b>	Lập, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Ninh Hòa	2023 - 2024	Thị xã Ninh Hòa	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thị xã Ninh Hòa.	2024	Thị xã Ninh Hòa	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị	2024	Theo thẩm quyền của UBND tỉnh (*)	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Quy hoạch phân khu các khu vực dự kiến thành lập phường nội thị.	2024 - 2025	theo thẩm quyền của UBND Thị xã	UBND thị xã
	Lập, trình phê duyệt đề án công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ cơ sở hạ tầng đô thị.	2024	Thị xã Ninh Hòa	Bộ Xây dựng
	Lập, trình phê duyệt đề án thành lập 07 phường nội thị thị xã Ninh Hòa	2024 - 2025	UBND tỉnh/Sở Nội vụ/Thị xã Ninh Hòa	UBTV Quốc hội
	Lập, trình phê duyệt đề án phân loại, công nhận thị xã Ninh Hòa đạt tiêu chí đô thị loại III	2027 - 2028	Thị xã Ninh Hòa	Bộ Xây dựng
<b>Huyện Diên Khánh</b>	- Lập, phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Diên Khánh	2023	Huyện Diên Khánh	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Quy hoạch phân khu các khu vực dự kiến thành lập phường nội thị.	2024 - 2025	Huyện Diên Khánh	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Diên Khánh.	2024	Huyện Diên Khánh	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị	2023 - 2024	Theo thẩm quyền của UBND tỉnh (*)	UBND tỉnh



Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đơn vị hành chính/đô thị	Chương trình ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/thực hiện	Cơ quan phê duyệt
	Lập, trình phê duyệt đề án công nhận các xã dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ cơ sở hạ tầng đô thị.	2024	Huyện Diên Khánh	Bộ Xây dựng
	- Lập, trình phê duyệt Đề án thành lập thị xã Diên Khánh và các phường nội thị.	2024 - 2025	UBND tỉnh/Sở Nội vụ/Huyện Diên Khánh	UBTV Quốc hội
<b>Huyện Vạn Ninh</b>	- Lập, phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Vạn Ninh	2023 - 2024	Huyện Vạn Ninh	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Quy hoạch phân khu các khu vực dự kiến thành lập phường nội thị.	2024 - 2025	Huyện Vạn Ninh	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Vạn Ninh.	2024	Huyện Vạn Ninh	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị	2024	Theo thẩm quyền của UBND tỉnh (*)	UBND tỉnh
	- Lập, trình phê duyệt đề án công nhận Vạn Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV.	2025	Huyện Vạn Ninh	Bộ Xây dựng
	- Lập, trình phê duyệt đề án thành lập thị xã Vạn Ninh và các phường nội thị.	2026 - 2027	UBND tỉnh/Sở Nội vụ/Huyện Vạn Ninh	UBTV Quốc hội
<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>	Lập, phê duyệt quy hoạch vùng huyện Khánh Vĩnh	2024	Huyện Khánh Vĩnh	UBND tỉnh
	Lập, phê duyệt quy hoạch chung thị trấn Khánh Vĩnh định hướng đô thị loại IV	2024	Huyện Khánh Vĩnh	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Khánh Vĩnh.	2024	Huyện Khánh Vĩnh	UBND tỉnh
<b>Huyện Khánh Sơn</b>	Lập, phê duyệt quy hoạch vùng huyện Khánh Sơn	2024	Huyện Khánh Sơn	UBND tỉnh
	Lập, phê duyệt quy hoạch chung thị trấn Tô Hạp định hướng đô thị loại IV	2024	Huyện Khánh Sơn	UBND tỉnh
	- Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Khánh Sơn.	2024	Huyện Khánh Sơn	UBND tỉnh



Đơn vị hành chính/đô thị	Chương trình ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/Thực hiện	Cơ quan phê duyệt
Huyện Trường Sa	Công tác lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, các chương trình phát triển đô thị ... thực hiện theo yêu cầu của Trung ương.	-	Huyện Trường Sa	Cơ quan thẩm quyền Trung ương và UBND tỉnh

## IX. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

(Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp)

Trên cơ sở nghiên cứu các Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022, số 37-CTr/TU ngày 21/7/2022 của Tỉnh ủy và Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa đã được phê duyệt, cùng với quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết số 1210, sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 26, Chương trình đề ra chỉ tiêu phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa cần đạt được cho từng giai đoạn 5 năm, 10 năm.

Tuy nhiên trong điều kiện cụ thể của tỉnh Khánh Hòa triển khai tại thời điểm này (năm 2023) đang định hướng đến năm 2030 Khánh Hòa đạt tiêu chí đô thị loại I – thành phố trực thuộc Trung ương, nên Chương trình đề xuất chỉ tiêu phát triển theo phân kỳ giai đoạn đến năm 2025, năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

### 1. Các chỉ tiêu phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa cần đạt được cho từng giai đoạn

Các chỉ tiêu Chương trình đề xuất dưới đây dựa trên tiêu chuẩn **tối thiểu** của các tiêu chí quy định đối với đô thị loại I – trực thuộc Trung ương và **phù hợp** với các chỉ tiêu đã được định hướng theo Chương trình số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:

#### 1.1. Giai đoạn hiện tại đến năm 2025

- Mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt trên 10.000 người/km<sup>2</sup>, phấn đấu đạt 11.000 người/km<sup>2</sup> theo Chương trình số 30-CTr/TU.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt trên 65% (trong đó khu vực nội thành đạt trên 85 %), phấn đấu đạt 77,97% cho toàn đô thị theo Chương trình số 30-CTr/TU.

- Diện tích sàn nhà ở (khu vực đô thị) bình quân đạt trên 28 m<sup>2</sup>/người;

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt từ 16% - 20%;

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 40%.

#### 1.2. Giai đoạn 2025 đến năm 2030



- Mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt khoảng 12.000 người/km<sup>2</sup>;
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt trên 75%, trong đó khu vực nội thành phần đầu đạt từ 87% - 90% theo Chương trình số 30-Ctr/TU;
- Diện tích sàn nhà ở (khu vực đô thị) bình quân đạt trên 32m<sup>2</sup>/người;
- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt 24%;
- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 60%.

### 1.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hóa thuộc nhóm trung bình cao của cả nước. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh (theo Chương trình hành động số 37-CTr/TU).

## 2. Chỉ tiêu phát triển đô thị đối với riêng từng đô thị

Chỉ tiêu phát triển đô thị theo giai đoạn 5 năm, 10 năm và cụ thể theo từng năm của từng đô thị được thực hiện trong **Chương trình phát triển riêng từng đô thị** theo Điều 5 Thông tư số 06/2023/TT-BXD. Trong khuôn khổ Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (trên cơ sở đánh giá hiện trạng chất lượng đô thị tại mục VII) đưa ra định hướng chung về việc hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn về phân loại đô thị để từng đô thị (căn cứ vào kế hoạch phân loại, nâng loại đã nêu tại mục IX) làm mục tiêu phần đầu thực hiện. Trong đó:

### 2.1. Thành phố Nha Trang

Trong giai đoạn đến năm 2030, Nha Trang hoàn thiện 100% các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I, trong đó cần phần đầu đạt điểm tối thiểu đối với 10 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Thu nhập bình quân đầu người trên tháng so với cả nước: 1,75 -  $\geq$  2,1 lần (Hiện trạng năm 2022 là 1,33 lần);
2. Tỷ lệ gia tăng dân số: 1,6 -  $\geq$  2,0 % (Hiện trạng năm 2022 là 0,77%);
3. Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị: 20 -  $\geq$  50 cơ sở (Hiện trạng năm 2022 là 14 cơ sở);
4. Mật độ đường giao thông đô thị: 8 -  $\geq$  10 km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 4,77km/km<sup>2</sup>);
5. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 15 -  $\geq$  20% (Hiện trạng năm 2022 là 2%);
6. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: 30 -  $\geq$  60% (Hiện trạng năm 2022 là 21%);
7. Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người: 5 -  $\geq$  6% (Hiện trạng năm 2022 là 2,15 m<sup>2</sup>/người);



8. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện: 4 -  $\geq$  6 dự án (Hiện trạng năm 2022 có 2 dự án);

9. Công trình xanh: Từ 1 – 2 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận ;

10. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh: 4 -  $\geq$  6 khu.

## 2.2. Thành phố Cam Ranh

Trong lộ trình phát triển thành đô thị loại II giai đoạn đến năm 2030, làm cơ sở để phấn đấu đạt các tiêu chuẩn cơ bản của khu vực dự kiến thành lập quận, thành phố Cam Ranh cần phấn đấu đạt điểm tối thiểu của 28 tiêu chuẩn chưa có điểm như sau:

1. Cân đối thu chi ngân sách: Đủ - Dư (Hiện trạng năm 2022 là cân đối thiếu);

2. Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước: 1,4 -  $\geq$  1,75 lần (Hiện trạng năm 2022 là 2,37 lần);

3. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất: 8 -  $\geq$  9% (Hiện trạng năm 2022 là (-) 2,85%);

4. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước: 1,3 -  $\geq$  2,0 lần;

5. Tỷ lệ gia tăng dân số: 1,4 -  $\geq$  1,8% (Hiện trạng năm 2022 là 0,5%);

6. Dân số toàn đô thị: 160 -  $\geq$  500 nghìn người (Hiện trạng năm 2022 là 134.018 nghìn người);

7. Mật độ dân số toàn đô thị: 1.440 -  $\geq$  2.000 người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 407,72 người/km<sup>2</sup>);

8. Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị: 8.000 -  $\geq$  10.000 người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 628,24 người/km<sup>2</sup>);

9. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị: 80 -  $\geq$  85% (Hiện trạng năm 2022 70,3%);

10. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người: 4 -  $\geq$  5 m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 2,85 m<sup>2</sup>/người);

11. Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân: 28 -  $\geq$  40 giường/10.000 dân (Hiện trạng năm 2022 thống kê được 24,02 giường/10.000 dân);

12. Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: 10 -  $\geq$  20 cơ sở (Hiện trạng năm 2022 là 5 cơ sở);

13. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: 15 -  $\geq$  22% (Hiện trạng năm 2022 là 8,3%);



14. Mật độ đường giao thông đô thị:  $6 - \geq 8$  km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 1,24 km/km<sup>2</sup>);
15. Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng:  $80 - \geq 90$  % (Hiện trạng năm 2022 là 70%);
16. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: Từ 70% trở lên (Hiện trạng năm 2022 43,2%);
17. Mật độ đường công thoát nước chính:  $4 - \geq 4,5$  km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 2,1 km/km<sup>2</sup>);
18. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật:  $20 - \geq 40$ % (Hiện trạng năm 2022 là 0%);
19. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom: Từ 90% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 80%);
20. Nhà tang lễ:  $2 - \geq 4$  cơ sở (Hiện trạng năm 2022 là chưa có cơ sở);
21. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:  $15 - \geq 30$ % (Hiện trạng năm 2022 là 0%);
22. Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người:  $7 - \geq 10$  m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 0,2 m<sup>2</sup>/người);
23. Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người:  $5 - \geq 6$  m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 0,28 m<sup>2</sup>/người);
24. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:  $40 - \geq 50$ % (Hiện trạng năm 2022 là 0%);
25. Công trình xanh: Có 1 đến 2 công trình được cấp giấy chứng nhận (Hiện trạng năm 2022 thống kê không có công trình);
26. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh:  $4 - \geq 6$  khu;
27. Cơ sở vật chất văn hóa:  $70 - \geq 80$ % (Hiện trạng năm 2022 là 66,66%);
28. Nhà ở cư dân: Từ 90% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 66,66%).

### 2.3. Thị xã Ninh Hòa

Trong lộ trình nâng cấp phát triển thành đô thị loại III, làm cơ sở để phấn đấu đạt các tiêu chuẩn cơ bản của khu vực dự kiến thành lập quận, giai đoạn đến năm 2030, thị xã Ninh Hòa cần phấn đấu đạt điểm tối thiểu 23 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Thu nhập bình quân đầu người trên tháng so với cả nước:  $1,05 - \geq 1,4$  lần (Hiện trạng năm 2022 là 1 lần);
2. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất:  $8 - \geq 9$ % (Hiện trạng năm 2022 là 6,61%);
3. Mật độ dân số toàn đô thị:  $980 - \geq 1.800$  người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 200 người/km<sup>2</sup>);
4. Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị:  $6.000 - \geq 8.000$  người/km<sup>2</sup>



(Hiện trạng năm 2022 là 984 người/km<sup>2</sup>);

5. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị:  $60 - \geq 70\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 20,04%);
6. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị:  $75 - \geq 80\%$ ;
7. Diện tích nhà ở bình quân đầu người:  $28 - \geq 32$  m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 23,35 m<sup>2</sup>/người);
8. Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân:  $28 - \geq 40$  giường/10.000 dân (Hiện trạng năm 2022 là 23,71 giường/10.000 dân);
9. Tỷ lệ vận tải khách công cộng:  $6 - \geq 10\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 2,82%);
10. Cấp điện sinh hoạt:  $750 - \geq 1.500$  kwh/người/năm (Hiện trạng năm 2022 là 560 kwh/người/năm);
11. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng: Từ 95% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 48,88%);
12. Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng:  $70 - \geq 80\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 50%);
13. Tỷ lệ thuê bao băng thông rộng di động/100 dân: Từ 80% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 74,35%);
14. Mật độ cống thoát nước chính:  $3,5 - \geq 4$  km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 0,7 km/km<sup>2</sup>);
15. Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục:  $10 - \geq 20\%$ ;
16. Nhà tang lễ:  $1 - \geq 2$  cơ sở
17. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:  $10 - \geq 15\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 5%);
18. Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người:  $7 - \geq 10\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 5,5%);
19. Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người:  $4 - \geq 5\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 3,5%);
20. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:  $40 - \geq 50\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 4,8%);
21. Công trình xanh: Từ 1 đến 2 công trình được cấp giấy chứng nhận;
22. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh:  $2 - \geq 4$  khu;
23. Nhà ở dân cư: Từ 90% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 85%).

#### **2.4. Huyện Vạn Ninh – khu vực dự kiến hình thành đô thị loại IV, thành lập thị xã Vạn Ninh**

Trong lộ trình phát triển thành đô thị loại IV, giai đoạn đến năm 2030, Vạn Ninh cần phấn đấu đạt điểm tối thiểu 15 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất:  $7 - \geq 8\%$  (Hiện



trạng năm 2022 là 5%);

2. Mật độ dân số toàn đô thị: 840 –  $\geq$  1.400 người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 235,06 người/km<sup>2</sup>);

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị: 55 –  $\geq$  65% (Hiện trạng năm 2022 là 45%);

4. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người: 28 –  $\geq$  32 m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 26,5 m<sup>2</sup>/người);

5. Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân: 25 –  $\geq$  30 giường/10.000 dân (Hiện trạng năm 2022 là 21,27 giường/10.000 dân);

6. Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: 2 –  $\geq$  5 cơ sở (Hiện trạng năm 2022 là 1 cơ sở);

7. Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục: 10 –  $\geq$  20%;

8. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: 15 –  $\geq$  30% ;

9. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom: 80 –  $\geq$  90% (Hiện trạng năm 2022 là 65%);

10. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: 65 –  $\geq$  70% ;

11. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: 5 –  $\geq$  10%;

12. Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Từ 75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế ;

13. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị: 30 –  $\geq$  40%;

14. Công trình xanh: Từ 1 đến 2 công trình được cấp giấy chứng nhận;

15. Cơ sở vật chất văn hóa: 50 –  $\geq$  80% (Hiện trạng năm 2022 là 45%).

### **2.5. Huyện Cam Lâm – khu vực dự kiến hình thành đô thị loại I, thành lập thành phố Cam Lâm**

Trong lộ trình phát triển thành đô thị loại I, giai đoạn đến năm 2030, Cam Lâm cần phấn đấu đạt điểm tối thiểu 37 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất: 9 –  $\geq$  10% (Hiện trạng năm 2022 là 6,19%);

2. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước: 1,5 –  $\geq$  2%;

3. Tỷ lệ tăng dân số: 1,6 –  $\geq$  2% (Hiện trạng năm 2022 là 0,23%);

4. Dân số toàn đô thị: 400 –  $\geq$  1.000 nghìn người (Hiện trạng năm 2022 là 111.230 người);

5. Dân số khu vực nội thành, nội thị: 160 –  $\geq$  500 nghìn người (Hiện trạng năm 2022 là 17.355 người);

6. Mật độ dân số toàn đô thị: 1.400 –  $\geq$  3.000 nghìn người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng



năm 2022 là 203.310 người/km<sup>2</sup>);

7. Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị: 10.000 –  $\geq$  12.000 người//km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 984 người//km<sup>2</sup>);

8. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị: 85 –  $\geq$  90% (Hiện trạng năm 2022 là 73,94%);

9. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người: 28 –  $\geq$  32 m<sup>2</sup>/người;

10. Đất dân dụng bình quân đầu người: 45 –  $\geq$  60 m<sup>2</sup>/người;

11. Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân: 30 –  $\geq$  40 giường/10.000 dân (Hiện trạng năm 2022 là 26,79 giường/10.000 dân);

12. Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị: 10 –  $\geq$  14 cơ sở (Hiện trạng năm 2022 là 3 cơ sở);

13. Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị: 10 –  $\geq$  14 cơ sở;

14. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: 16 –  $\geq$  24% (Hiện trạng năm 2022 là 6,5%);

15. Diện tích đất giao thông bình quân đầu người: 13 –  $\geq$  15 m<sup>2</sup>/người;

16. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 15 –  $\geq$  20%;

17. Cấp điện sinh hoạt: 1.100 –  $\geq$  2.100 kwh/người;

18. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng: Từ 95% trở lên;

19. Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng: 80 –  $\geq$  90%;

20. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: Từ 75% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 65%);

21. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công: 35 –  $\geq$  80% (Hiện trạng năm 2022 là 28,8%);

22. Mật độ đường cống thoát nước chính: 4 –  $\geq$  4,5 km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 0,7%);

23. Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục: 20 –  $\geq$  50%;

24. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: 30 –  $\geq$  50%;

25. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: 70 –  $\geq$  85%;

26. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom: Từ 90% trở lên;

27. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: 80 –  $\geq$  90% ;

28. Nhà tang lễ: 2 –  $\geq$  4 cơ sở;

29. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: 30 –  $\geq$  60%;



30. Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người:  $10 - \geq 15$  m<sup>2</sup>/người;
31. Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị:  $5 - \geq 6$  m<sup>2</sup>/người;
32. Quy chế quản lý kiến trúc: Từ 75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế;
33. Tỷ lệ tuyến phố văn minh:  $50 - \geq 60\%$ ;
34. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ:  $4 - \geq 6$  dự án;
35. Số lượng không gian công cộng đô thị:  $5 - \geq 7$  khu;
36. Công trình xanh: Có 1 đến 2 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận;
37. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh:  $4 - \geq 6$  khu.

## **2.6. Đô thị Diên Khánh – khu vực dự kiến thành lập thị xã Diên Khánh**

Giai đoạn đến năm 2030, Diên Khánh cần phấn đấu hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, trong đó cần đạt điểm tối thiểu 14 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Thu nhập bình quân đầu người trên tháng so với cả nước:  $0,7 - \geq 1,05$  lần;
2. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước:  $1,15 - \geq 1,5$  lần;
3. Tỷ lệ gia tăng dân số:  $1 - \geq 1,4\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 0,52%);
4. Mật độ dân số toàn đô thị:  $840 - \geq 1.400$  người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 425,37 người/km<sup>2</sup>);
5. Diện tích nhà ở bình quân đầu người:  $28 - \geq 32$  m<sup>2</sup> sàn/người (Hiện trạng năm 2022 là 22 m<sup>2</sup> sàn/người);
6. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người:  $3 - \geq 4$  m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 2,7 m<sup>2</sup>/người);
7. Diện tích đất giao thông bình quân đầu người:  $7 - \geq 9$  m<sup>2</sup>/người;
8. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: Từ 65% trở lên;
9. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật:  $15 - \geq 30\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 10,2%);
10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:  $5 - \geq 10\%$  Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người:  $6 - \geq 8$  m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 5,21 m<sup>2</sup>/người);
11. Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người:  $6 - \geq 8$  m<sup>2</sup>/người;
12. Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị:  $4 - \geq 5$  m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 3,88 m<sup>2</sup>/người);
13. Công trình xanh: Từ 1 đến 2 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận;
14. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh:  $1 - \geq 2$  khu.

## **2.7. Thị trấn Tô Hạp**



Thị trấn Tô Hạp phấn đấu hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại V (đặc thù miền núi), trong đó cần đạt điểm tối thiểu 19 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ: Tăng theo mục tiêu – Tăng vượt mục tiêu 4% trở lên;
2. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước:  $0,7 - \geq 1,25$  lần;
3. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều:  $7,8 - < 5,0\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 15%);
4. Mật độ dân số toàn đô thị:  $500 - \geq 1\ 200$  người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 285 người/km<sup>2</sup>);
5. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị:  $38,5 - \geq 65$  người/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 4,69 %);
6. Đất dân dụng bình quân đầu người:  $49 - \geq 100$  m<sup>2</sup>/người;
7. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người:  $2,1 - \geq 3,5$  m<sup>2</sup>/người;
8. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị cấp đơn vị ở bình quân đầu người:  $0,7 - \geq 1,5$  m<sup>2</sup>/người;
9. Mật độ đường giao thông đô thị:  $3,5 - \geq 6$  km/km<sup>2</sup>;
10. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng:  $0,7 - \geq 2\%$ ;
11. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: Từ 42 % trở lên;
12. Mật độ đường cống thoát nước chính:  $1,75 - \geq 3$  km/km<sup>2</sup>;
13. Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục:  $7 - \geq 20\%$ ;
14. Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật:  $7 - \geq 15\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 0%);
15. Tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng:  $3,5 - \geq 10\%$ ;
16. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:  $14 - \geq 30\%$ ;
17. Số lượng không gian công cộng của đô thị:  $1 - \geq 2$  khu;
18. Công trình xanh: Từ 1 –  $\geq 2$  công trình;
19. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế:  $1 - \geq 2$  khu.

## 2.8. Thị trấn Khánh Vĩnh

Thị trấn Khánh Vĩnh phấn đấu hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại V (đặc thù miền núi), trong đó cần đạt điểm tối thiểu 18 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước  $0,35 - \geq 0,7$  lần;
2. Tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ: Tăng theo mục tiêu đề ra – Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên;



3. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều:  $5,0 - \geq 7,8\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 13,75%);
4. Đất dân dụng bình quân đầu người:  $49 - \geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
5. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người:  $2,1 - \geq 3,5 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
6. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị cấp đơn vị ở bình quân đầu người:  $0,7 - \geq 1,5 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
7. Mật độ đường giao thông đô thị:  $3,5 - \geq 6 \text{ km}/\text{km}^2$ ;
8. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng:  $0,7 - \geq 2\%$ ;
9. Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng:  $35 - \geq 70\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 3%);
10. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: 42% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 25,9%);
11. Mật độ đường cống thoát nước chính:  $1,75 - \geq 3 \text{ km}/\text{km}^2$ ;
12. Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục:  $7 - \geq 20\%$ ;
13. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật:  $7 - \geq 15\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 0%);
14. Tỷ lệ sử dụng hình thức hoá táng:  $3,5 - \geq 10\%$ ;
15. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:  $14 - \geq 30\%$ ;
16. Số lượng không gian công cộng của đô thị:  $1 - \geq 2$  khu;
17. Công trình xanh: 01 – 02 công trình;
18. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế:  $1 - \geq 2$  khu.

### **2.9. Thị trấn Cam Đức**

Theo kế hoạch phân loại đô thị đến năm 2025, Thị trấn Cam Đức đạt tiêu chí đô thị loại IV, trong đó cần phần đầu đạt điểm tối thiểu 23 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước:  $0,7 - \geq 1,05$  lần (Hiện trạng năm 2022 là 0,4 lần);
2. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ: tăng theo mục tiêu – tăng vượt mục tiêu 4% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là tăng theo mục tiêu đề ra);
3. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước:  $1,15 - \geq 1,5$  lần;
4. Diện tích nhà ở bình quân đầu người:  $28 - \geq 32 \text{ m}^2/\text{người}$  (Hiện trạng năm 2022 là  $24,5 \text{ m}^2/\text{người}$ );
5. Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị:  $2 - \geq 5$  cơ sở (Hiện trạng năm 2022 là 1 cơ sở);
6. Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị:  $2 - \geq 3$  công trình (Hiện trạng năm 2022



là 1 công trình);

7. Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị:  $2 - \geq 4$  công trình (Hiện trạng năm 2022 là 1 công trình);

8. Mật độ đường giao thông đô thị:  $5 - \geq 6$  km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 chưa đến 5km/km<sup>2</sup>);

9. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng:  $3 - \geq 5\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 1%);

10. Cấp điện sinh hoạt:  $400 - \geq 1000$  kwh/người/năm (Hiện trạng năm 2022 là 300 kwh/người/năm);

11. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng:  $90 - \geq 95\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 58%)

12. Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng:  $50 - \geq 70\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 0%);

13. Tỷ lệ thuê bao băng thông rộng di động/100 dân: từ 75% trở lên (Hiện trạng năm 2022 là 50%);

14. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:  $25 - 60\%$ ;

15. Mật độ đường cống thoát nước chính:  $3 - \geq 3,5$  km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 1 km/km<sup>2</sup>);

16. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật:  $15 - \geq 30\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 0%);

17. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom:  $80 - \geq 90\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 75%);

18. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:  $5 - \geq 10\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 0%);

19. Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người:  $4 - \geq 5$  m<sup>2</sup>/người (Hiện trạng năm 2022 là 1 m<sup>2</sup>/người);

20. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:  $30 - \geq 40\%$  (Hiện trạng năm 2022 là 21%);

21. Số lượng không gian công cộng của đô thị:  $2 - \geq 4$  khu (Hiện trạng năm 2022 chưa có không gian công cộng);

22. Công trình xanh: có 1 đến 2 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận;

23. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh:  $1 - \geq 2$  khu.

## 2.10. Đô thị Suối Tân

Theo kế hoạch phân loại đô thị đến năm 2025, Suối Tân cần hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại V, trong đó cần phấn đấu đạt điểm tối thiểu 18 tiêu chuẩn chưa có điểm sau:

1. Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước:  $0,5 - \geq 0,7$  lần (Hiện trạng năm 2022 là 0,4 lần);



2. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất: 6 – 7% (Hiện trạng năm 2022 là 0,1%);
3. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước: 1,0 – 1,25 lần;
4. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều: 6,0 – < 5,0% (Hiện trạng năm 2022 là 10,6%);
5. Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 26 –  $\geq$  28 m<sup>2</sup> sàn/người (Hiện trạng năm 2022 là 15%);
6. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người: 1 – 1,5 m<sup>2</sup>/người;
7. Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân: 25 –  $\geq$  30 giường/10.000;
8. Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị: 1 -  $\geq$  2 cơ sở;
9. Công trình văn hoá cấp đô thị: 1 –  $\geq$  2 công trình;
10. Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị: 1 -  $\geq$  2 công trình;
11. Cấp điện sinh hoạt: 400 –  $\geq$  1.000 kwh/người/năm (Hiện trạng năm 2022 là 250 kwh/người/năm);
12. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng: 80 – 90%;
13. Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng: 50 –  $\geq$  70%;
14. Tỷ lệ thuê bao băng thông rộng di động/100 dân: 70 –  $\geq$  80% (Hiện trạng năm 2022 là 30%);
15. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 25 –  $\geq$  50%;
16. Mật độ đường cống thoát nước chính: 2,5 -  $\geq$  3 km/km<sup>2</sup> (Hiện trạng năm 2022 là 2,1 km/km<sup>2</sup>);
17. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: 10 -  $\geq$  15% (Hiện trạng năm 2022 là 0%);
18. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom: 80 –  $\geq$  90% (Hiện trạng năm 2022 là 70%);
19. Tỷ lệ sử dụng hình thức hoá táng: 5 –  $\geq$  10%;
20. Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Từ 75% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế;
21. Tỷ lệ tuyến phố văn minh: 20 -  $\geq$  30% ;
22. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện;
23. Số lượng không gian công cộng của đô thị: 1 -  $\geq$  2 khu;
24. Công trình kiến trúc tiêu biểu: Có 1 công trình kiến trúc tiêu biểu cấp tỉnh/ quốc



gia/quốc gia đặc biệt trở lên (Hiện trạng năm 2022 không có công trình di tích cấp quốc gia/tỉnh/loại I,II được chính quyền công nhận);

25. Công trình xanh: Từ 1 đến 2 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận (Hiện trạng năm 2022 chưa có công trình xanh);

26. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh: 1 -  $\geq$  2 khu.

### 3. Dự báo dân số và tỷ lệ đô thị hóa

- Dân số toàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022 là 1.253.969 người, trong đó theo tính toán dân số nội thành, nội thị là 531.192 người (là dân số các phường thuộc Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Hòa và các thị trấn Diên Khánh, Cam Đức, Vạn Giã, Khánh Vĩnh, Tô Hạp, Trường Sa), tỷ lệ đô thị hóa đạt 42,36% (tính toán trên cơ sở số liệu dân số công bố tại Niên giám thống kê 2022 - Cục thống kê tỉnh Khánh Hòa).

- Đối với dân số của thị trấn Trường Sa, huyện Trường Sa được thực hiện trong báo cáo riêng.

- Tỷ lệ đô thị hóa: Chỉ tiêu Tỷ lệ đô thị hóa hiện được quy định tại Thông tư số 06/2018/TTBXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng như sau: Tỷ lệ đô thị hóa là số phần trăm dân sống trong khu vực nội thành, nội thị và thị so với tổng dân số của một phạm vi vùng lãnh thổ (toàn quốc, các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, các đô thị).

- Phương pháp dự báo dân số: Chương trình đưa ra dự báo dân số chính thức bao gồm dân số thường trú và tạm trú quy đổi theo quy định của ngành thống kê (số liệu dân số được Cục thống kê Khánh Hòa công bố chính thức tại niên giám thống kê hàng năm) phù hợp với quy định của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15, phù hợp với dự báo dân số theo quy hoạch tỉnh Khánh Hòa (lấy từ nguồn Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư ngày 11/4/2023).

- Trên cơ sở theo dõi tốc độ tăng dân số trung bình của giai đoạn 2016 – 2020 là 0,69%/năm, Chương trình đánh giá và đề xuất tỷ lệ tăng dân số trung bình của giai đoạn 2023 – 2030 đạt trên 1,2% (trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên là 0,9%, tỷ lệ tăng cơ học 0,3% áp dụng riêng đối với khu vực nội thành, nội thị). Theo đó:

- Năm 2025, với việc dự kiến thành lập thị xã Diên Khánh cùng các phường nội thị trên cơ sở dân số, diện tích của huyện Diên Khánh; phát triển các khu vực dự kiến thành lập phường nội thị của thị xã Vạn Ninh (dự kiến thành lập giai đoạn 2026 – 2030) cũng như phát triển các khu dân cư đô thị nằm trong Khu kinh tế Vân Phong; dự báo dân số toàn tỉnh Khánh Hòa (với tỷ lệ tăng trung bình khoảng 1,2%, trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên 0,9%, tăng cơ học khoảng 0,3%) dân số chính thức gồm thường trú và tạm trú (không bao gồm lao động con lác, khách du lịch, vắng lai) đến năm 2025 ước đạt khoảng 1.288.130 người; dân số nội thị đạt hơn 842.000 người, theo đó tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 65,37 %.



- Năm 2030, dự kiến thành lập đô thị Cam Lâm cùng các phường nội thị trên cơ sở huyện Cam Lâm. Dự báo dân số toàn tỉnh (với tỷ lệ tăng trung bình khoảng 1,2%, trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên 0,9%, tăng cơ học khoảng 0,3%) đạt hơn 1.341.230 người, dân số nội thị đạt hơn 955.620 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 71,25 %.

**BẢNG 9. BẢNG DỰ BÁO DÂN SỐ VÀ TỶ LỆ ĐÔ THỊ HÓA**

TT	Tên đơn vị hành chính/đô thị	Hiện trạng 2022			Năm 2025			Năm 2030					
		Loại đô thị	Dân số (người)		Tỷ lệ đô thị hóa	Loại đô thị	Dự báo Dân số năm (r = 1,2%)		Tỷ lệ đô thị hóa	Loại đô thị	Dự báo Dân số (r = 1,2%)		Tỷ lệ đô thị hóa
			Tổng	Nội thị			Tổng	Nội thị			Tổng	Nội thị	
	Tỉnh Khánh Hòa		1.253.969	531.192	42,36%		1.288.132	842.003	65,37%	I	1.341.239	955.627	71,25%
1	TP Nha Trang	I	430.045	289.692	67,36%	I	441.761	313.761	71,02%	I	462.001	333.044	72,09%
2	TP Cam Ranh	III	134.018	94.575	70,57%	III	137.669	98.021	71,20%	II	143.977	104.045	72,26%
3	TX Ninh Hòa	IV	232.418	77.320	33,27%	IV	238.750	161.292	67,56%	III	249.689	171.204	68,57%
4	Huyện Vạn Ninh	chưa xếp loại	132.106	19.881	15,05%	IV	135.705	120.756	88,98%	IV	141.923	128.177	90,31%
5	Huyện Diên Khánh	IV	146.243	20.365	13,93%	IV	150.227	110.289	73,41%	IV	157.110	117.067	74,51%
6	Huyện Cam Lâm	chưa xếp loại	111.230	17.177	15,44%	-	114.260	27.797	24,33%	I	119.495	102.090	85,43%
7	H. Khánh Vĩnh		41.253	4.989	12,09%		42.377	5.171	12,20%		44.318	6.920	15,61%
8	H. Khánh Sơn		26.656	4.791	17,97%		27.382	4.966	18,13%		28.637	5.271	18,41%
9	H. Trường Sa		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

#### 4. Dự báo đất xây dựng đô thị

Để có cơ sở dự báo đất xây dựng đô thị và đề xuất chỉ tiêu tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh (một trong các chỉ tiêu phát triển đô thị theo quy định yêu cầu), Chương trình xác định nhu cầu đất đô thị của tỉnh Khánh Hòa như sau:

##### 4.1. Xác định nhu cầu đất đô thị tăng thêm giai đoạn đến năm 2030

Đất đô thị là đất nội thành, nội thị (phường thuộc thành phố, thị xã), thị trấn và đất ngoại thành, ngoại thị (xã thuộc thành phố, thị xã) đã có quy hoạch phát triển đô thị được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.<sup>(1)</sup>

<sup>1</sup> Đối chiếu với hướng dẫn tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.



Theo đó Tổng diện tích **đất đô thị hiện trạng (tính đến 31/12/2022) khoảng 36.917 ha** (được tính toán trên cơ sở số liệu công bố tại Báo cáo số 92/BC-UBND ngày 17/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về báo cáo thuyết minh thống kê đất đai tỉnh Khánh Hòa năm 2022 và số liệu về diện tích đất tự nhiên trong niên giám thống kê từng huyện thị, thành phố năm 2022).

Trên cơ sở phương án thành lập quận Ninh Hòa, quận Cam Ranh và các phường nội thị vào năm 2030; định hướng thành lập đô thị là đơn vị hành chính cấp huyện và các phường nội thị trực thuộc trong giai đoạn đến năm 2025 (thị xã Diên Khánh) và giai đoạn 2026 – 2030 (thị xã Vạn Ninh, thành phố Cam Lâm); cùng với định hướng phát triển đô thị, nâng cấp các xã ngoại thành lên phường theo quy hoạch chung đô thị của thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh; chương trình tổng hợp nhu cầu đất đô thị từng giai đoạn như sau:

- Đến năm 2025, thành lập thị xã Diên Khánh và các phường nội thị; Nâng cấp một số xã ngoại thị thành phường tại thị xã Ninh Hòa.

- Giai đoạn 2026 – 2030 thành lập thị xã Vạn Ninh và các phường nội thị; Nâng cấp một số xã ngoại thành thành phường tại thành phố Nha Trang và thành phố Cam Ranh.

- Đến năm 2030, Khánh Hòa dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương, thành lập các quận Cam Ranh, Ninh Hòa, thành lập thành phố Cam Lâm cùng các phường nội thị.

- Đối với Thị trấn Tô Hạp (huyện Khánh Sơn), theo Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tô Hạp đến năm 2025 được phê duyệt theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, có định hướng điều chỉnh ranh giới hành chính thị trấn mở rộng đến một phần diện tích của xã Ba Cùm Bắc và xã Sơn Trung. Diện tích sau khi điều chỉnh mở rộng là 2.427,44 ha. Hiện nay Huyện Khánh Sơn đang triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn, do đó phần diện tích mở rộng ghi nhận thực hiện trong giai đoạn 2026 – 2030.

- Đối với nhu cầu đất đô thị thị trấn Trường Sa, huyện Trường Sa được thực hiện trong báo cáo riêng.

Theo đó đến năm 2025, tổng diện tích đất đô thị toàn tỉnh là 71.862 ha (bao gồm 36.917 ha hiện trạng của năm 2022 và 34.945 ha nhu cầu đất tăng thêm đến năm 2025) chiếm tỷ lệ 13,8% so với tổng diện tích đất tự nhiên; đến năm 2030 **tổng diện tích đất đô thị lũy kế là 170.312,3 ha (bao gồm 36.917 ha hiện trạng của năm 2022 và dự báo nhu cầu đến 2030 là 133.395,3 ha)** <sup>(2)</sup> chiếm tỷ lệ 32,9% so

<sup>(2)</sup> Chi tiêu đất đô thị được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 đến năm 2030 là 51.030 ha. Hiện nay UBND tỉnh đã có Văn bản số 12398/UBND-XDND ngày 24/11/2023 về việc báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch, các chỉ tiêu sử dụng đất



với tổng diện tích đất tự nhiên.

*Lưu ý: Nhu cầu đất đô thị được dự báo có thể được điều chỉnh, thay đổi theo thực tế trên cơ sở kết quả thực hiện điều chỉnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội; và thực tế quá trình triển khai thực hiện quy hoạch chung đô thị của các huyện, thị, thành phố.*

**BẢNG 10. BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT ĐÔ THỊ KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2030**

TT		DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (ha)		TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÔ THỊ					
		năm 2022 (ha)	dự báo đến 2030 (ha)	năm 2022		dự báo năm 2025		dự báo năm 2030	
				Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên	Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên	Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên
	<b>Tỉnh Khánh Hòa (*)</b>	<b>520.011</b>	<b>520.011</b>	<b>36.917</b>	<b>7,1%</b>	<b>71.862</b>	<b>13,9%</b>	<b>170.312</b>	<b>32,8%</b>
1	Tp Nha Trang	25.420	25.420	7.976	31,4%	7.976	31,4%	11.701	46,0%
2	Tp Cam Ranh	32.710	32.710	14.963	45,7%	19.638	60,0%	32.710	100,0%
3	TX Ninh Hòa (**)	116.466	59.833	8.929	7,7%	23.482	20,8%	59.833	100,0%
4	Huyện Cam Lâm (dự kiến thành lập TP Cam Lâm vào năm 2030)	54.710	54.710	1.762	3,2%	1.762	3,2%	16.792	30,7%
5	Huyện Diên Khánh (dự kiến thành lập TX Diên Khánh vào năm 2025)	34.380	34.380	391	1,1%	11.108	32,3%	11.108	32,3%
6	Huyện Vạn Ninh (dự kiến thành lập TX Vạn Ninh giai đoạn 2026 - 2030) (**)	56.202	80.716	269	0,5%	5.269,0	5,8%	37.495	46,5%
7	Huyện Khánh Vĩnh (**)	116.643	148.762	950	0,81%	950	0,81%	950	0,81%

giai đoạn 2021 – 2025 và đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025; trong đó đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu đất đô thị đến năm 2030 là 91.090 ha.



TT		DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (ha)		TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÔ THỊ					
		năm 2022 (ha)	dự báo đến 2030 (ha)	năm 2022		dự báo năm 2025		dự báo năm 2030	
				Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên	Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên	Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên
	TT Khánh Vĩnh	950	950						
8	Huyện Khánh Sơn	33.853	33.853	1.677	4,95%	2.427	7,17%	2.427	7,17%
	TT Tô Hạp (***)	1.677	2.427						
9	Huyện Trường Sa (****)	-							
	Thị trấn Trường Sa (****)	-							

**Ghi chú:**

- (\*) Số liệu diện tích được thống kê theo Niên giám thống kê Khánh Hòa 2022 – Cục Thống kê Khánh Hòa.

- (\*\*) Thực hiện kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 749-TB/TU ngày 13/9/2023 về định hướng phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa; Chương trình dự báo thay đổi điều chỉnh một số đơn vị hành chính xã phù hợp để bảo đảm tiêu chuẩn thành lập quận Ninh Hòa, do đó, diện tích đất tự nhiên của một số huyện đến 2030 có thay đổi như trên.

- (\*\*\*) Thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn được quy hoạch mở rộng theo điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn đã được phê duyệt tại Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 18/5/2025.

- (\*\*\*\*) Số liệu diện tích của thị trấn Trường Sa, huyện Trường Sa, được UBND huyện Trường Sa tổng hợp trong báo cáo riêng.

Trên cơ sở xác định nhu cầu đất đô thị, Chương trình dự báo đất xây dựng đô thị và đề xuất chỉ tiêu tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh; cụ thể như sau:

**4.2. Dự báo đất xây dựng đô thị**

- Căn cứ QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng bộ Xây dựng V/v ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch Xây dựng”;

Đất xây dựng đô thị là đất dành để xây dựng các khu chức năng đô thị (gồm cả hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị) bao gồm đất xây dựng các công trình phục vụ các hoạt động dân dụng gồm: đất đơn vị ở hoặc đất ở tại đô thị, đất công trình dịch



vụ - công cộng đô thị, đất cây xanh công cộng đô thị, đất hạ tầng kỹ thuật đô thị và đất xây dựng công trình ngoài dân dụng gồm: đất xây dựng công trình công cộng, hành chính cấp trên đặt trên địa bàn đô thị, khu công nghiệp, du lịch tập trung, công trình giao thông đối ngoại, đầu mối hạ tầng kỹ thuật và đất xây dựng các công trình khác (Theo hướng dẫn tại Phụ lục 3, Nghị quyết số 1210, sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 26; và QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng).

- Căn cứ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thị xã, thành phố;

- Căn cứ dự báo đất xây dựng đô thị trong các đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dự thảo quy hoạch chung của thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, đô thị mới Cam Lâm đang triển khai thực hiện;

- Căn cứ đặc điểm đô thị, tình hình hiện trạng sử dụng đất và khả năng quỹ đất của từng đô thị;

Trên cơ sở Báo cáo số 92/BC-UBND ngày 17/4/2023 báo cáo thuyết minh thống kê đất đai năm 2022 tỉnh Khánh Hòa và Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa 2022; tổng diện tích đất đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn tính đến 31/12/2022 là 36.917 ha trong đó xác định diện tích đất xây dựng đô thị Khánh Hòa theo phương pháp tính toán là 8.244 ha (chiếm 1,6 % so với tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh), đạt trung bình 152 m<sup>2</sup>/người.

Theo Thuyết minh Tổng hợp Quy hoạch tỉnh được phê duyệt (mục 1, chương VIII, trang 613) chỉ tiêu tỷ lệ đất xây dựng đô thị của tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 đạt từ 1,9 – 2,3 % so với tỷ lệ đất tự nhiên toàn tỉnh.

Tuy nhiên với việc phát triển đô thị định hướng thành lập thành phố trực thuộc Trung ương, có tốc độ đô thị hóa nhanh, tỷ lệ đô thị hóa như đã dự báo ở trên đến năm 2030 đạt hơn 70%, nhu cầu đất đô thị cả giai đoạn 2023 đến 2030 là 133.259 ha, theo đó nhu cầu đất xây dựng đô thị chiếm tỷ lệ khá lớn từ 5,4 đến 8,9% so với tổng diện tích đất tự nhiên của toàn tỉnh Khánh Hòa, đặc biệt tại các khu vực dự kiến hình thành đô thị mới như thành phố Cam Lâm, thị xã Diên Khánh và thị xã Vạn Ninh (nằm trong khu kinh tế Vân Phong) có diện tích đất xây dựng đô thị trung bình hơn 7.000 ha). Chi tiết cụ thể như sau:



**BẢNG 11. DỰ BÁO ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ**

		DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN CỦA CÁC ĐÔ THỊ (ha)		TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ					
		năm 2022 (ha)	dự báo đến 2030 (ha)	năm 2022		dự báo năm 2025		dự báo năm 2030	
				Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên	Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên	Tổng (ha)	tỷ lệ so với diện tích tự nhiên
	<b>Tỉnh Khánh Hòa</b>	<b>520.011</b>	<b>520.011</b>	<b>8.244</b>	<b>1,6%</b>	<b>28.190</b>	<b>5,4%</b>	<b>46.367</b>	<b>8,9%</b>
1	Tp Nha Trang	25.420	25.420	3.018,0	<b>11,9%</b>	3.190,4	<b>12,6%</b>	4.424	<b>17,4%</b>
2	Tp Cam Ranh	32.710	32.710	3.034	<b>9,3%</b>	7.855,1	<b>24,0%</b>	9.668	<b>29,6%</b>
3	TX Ninh Hòa (*)	116.470	53.734	1.051	<b>0,9%</b>	6.000,0	<b>5,2%</b>	8.500	<b>15,8%</b>
4	Huyện Cam Lâm (dự kiến thành lập TP Cam Lâm vào năm 2030)	54.710	54.710	324,4	<b>0,6%</b>	704,8	<b>1,3%</b>	7.014	<b>12,8%</b>
5	Huyện Diên Khánh (dự kiến thành lập TX Diên Khánh vào năm 2025)	34.380	34.380	209,2	<b>0,6%</b>	4.286,8	<b>12,5%</b>	7.683	<b>22,3%</b>
6	Huyện Vạn Ninh (dự kiến thành lập TX Vạn Ninh giai đoạn 2026 - 2030) (**)	56.200	80.700	181,55	<b>0,3%</b>	5.181,6	<b>9,2%</b>	7.924	<b>9,8%</b>
7	TT Khánh Vĩnh (Huyện Khánh Vĩnh)	950	950	210	<b>22,1%</b>	300,0	<b>31,6%</b>	354	<b>37,3%</b>
8	TT Tô Hạp (Huyện Khánh Sơn)	1.677	2.427	216	<b>12,9%</b>	670,9	<b>40,0%</b>	800	<b>33,0%</b>
9	TT Trường Sa (Huyện Trường Sa) (***)	-	-	-	-	-	-	-	-

**Ghi chú:**

- (\*) Thị xã Ninh Hòa dự kiến điều chỉnh sắp xếp một số xã phù hợp sang các địa phương khác để bảo đảm tiêu chuẩn thành lập quận; do đó, diện tích tự nhiên của Ninh Hòa và các huyện khác đến năm 2030 có thay đổi như trên.

- (\*\*) tại Huyện Vạn Ninh: theo điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023, trong đó các dự án : Khu đô thị mới cao cấp Đàm Môn; Khu đô thị mới cao cấp Tu Bông; Khu đô thị



mới cao cấp Cổ Mã (được đề xuất chủ trương đầu tư dự án trong năm 2023) với dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 cần khoảng 5000ha (theo các Văn bản số 1806/KKT-QLQHXD ngày 07/8/2023; số 2021/KKT-QLQHXD ngày 28/8/2023 và số 2581/KKT-QLQHXD ngày 07/11/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong). Do đó Chương trình **ghi nhận đến năm 2025** phần diện tích đất xây dựng đô thị của khu vực huyện Vạn Ninh sẽ bao gồm phần diện tích đất xây dựng đô thị của thị trấn Vạn Giã và 5.000ha của 3 khu đô thị mới thuộc Khu kinh tế Vân Phong, trong đó:

*Diện tích đất xây dựng đô thị của 3 khu đô thị mới này chỉ được xác định trên cơ sở Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được cơ quan thẩm quyền phê duyệt phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong.*

- (\*\*\*) Số liệu diện tích của thị trấn Trường Sa được huyện Trường Sa tổng hợp trong báo cáo riêng.

- Tổng diện tích đất xây dựng đô thị dự báo đến năm 2030 tham khảo dựa trên cơ sở dự báo diện tích đất xây dựng đô thị theo các đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt và dự thảo quy hoạch chung của thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, đô thị mới Cam Lâm đang triển khai thực hiện.

## **X. DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

Danh mục dự án đầu tư được Chương trình đề xuất trên cơ sở đảm bảo thực hiện mục tiêu theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đến năm 2030 (7 năm tính từ thời điểm hiện tại), đồng thời thực hiện Nghị quyết 55 về cơ chế chính sách (thời hạn hiệu lực đến năm 2027); Chương trình đề xuất danh mục các dự án hạ tầng khung, hạ tầng kỹ thuật đầu mối, dự án phát triển đô thị (bao gồm nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn ngoài ngân sách) ưu tiên thực hiện đầu tư giai đoạn đến năm 2030.

Danh mục các dự án dưới đây, được rà soát, cập nhật, điều chỉnh và bổ sung định kỳ hàng năm và giai đoạn 5 năm theo quy định của pháp luật.

*Lưu ý: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, mục đích đầu tư, tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án/khu vực phát triển dự án sẽ được chủ đầu tư xác định chính thức trong giai đoạn lập và trình phê duyệt dự án đầu tư, đảm bảo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền<sup>(3)</sup>.*

*Tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư tùy thuộc vào khả*

<sup>3</sup> Theo điểm 4 khoản 1 mục III – Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 24/2/2023 của UBND tỉnh về kế hoạch tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa: “Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng”. Trong đó, “Tổ chức rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, kiên quyết thực hiện việc cắt giảm các dự án chưa cấp bách, chưa thật sự cần thiết và các dự án không còn phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển tỉnh Khánh Hòa để điều chuyển và tập trung vốn thực hiện các dự án trọng điểm; cơ cấu lại đầu tư công theo hướng đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, không manh mún, dàn trải”.



năng huy động nguồn lực của từng giai đoạn. Số liệu này không dùng để công bố phục vụ các nội dung khác ngoài Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa.

### **1. Các dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng**

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, cùng các chỉ tiêu phát triển đô thị nêu trên, Chương trình tổng hợp danh mục dự án ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh, các công trình hạ tầng xã hội phục vụ an sinh xã hội theo thứ tự ưu tiên và giai đoạn thực hiện ngắn hạn đến năm 2025, trung hạn đến năm 2030; tổng số 86 dự án/nhóm dự án với tổng nhu cầu (thống kê chưa đầy đủ) khoảng 722.875,1 tỷ đồng. Trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2025 là 397.973,1 tỷ đồng
  - + Ngân sách Trung ương: 59.179 tỷ đồng
  - + Ngân sách địa phương: 13.312,1 tỷ đồng
  - + Ngoài Ngân sách (vốn khác): 325.482 tỷ đồng (không bao gồm vốn đầu tư của các dự án tại Khu kinh tế Vân Phong được nêu riêng tại Phụ lục III.1).
- Giai đoạn năm 2026 đến 2030 là 324.902 tỷ đồng
  - + Ngân sách Trung ương: 8.435 tỷ đồng
  - + Ngân sách địa phương: 16.395 tỷ đồng
  - + Ngoài ngân sách (vốn khác): 300.072 tỷ đồng.

*Ghi chú: Tiến độ thực hiện các dự án đã được cập nhật theo dự thảo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa về điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến 2050 (Công văn số 4643/SKHĐT-TH ngày 10/11/2023).*

*(Chi tiết theo Phụ lục II.1).*

### **2. Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội bằng nguồn vốn ngân sách theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

Theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 – 2025; điều chỉnh bổ sung bởi các Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02/6/2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và Nghị quyết 71/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; có tổng số gần 145 dự án (chỉ thống kê các dự án triển khai mới trong giai đoạn 2021 – 2025) với tổng nhu cầu vốn hơn 24.765,9 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách địa phương (gồm nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi ngân sách...) khoảng 18.939,2 tỷ đồng.



- Vốn Ngân sách Trung ương (vốn Trung ương hỗ trợ, ODA cấp phát, vốn vay lại Chính phủ, vốn trái phiếu Chính phủ) hơn 5.826,7 tỷ đồng.

**(Chi tiết theo Phụ lục II.2)**

Ngoài danh mục các dự án ưu tiên đầu tư được tổng hợp tại Phụ lục II.1 theo Quy hoạch tỉnh; các dự án đầu tư công theo Phụ lục II.2; Chương trình tổng hợp các dự án kêu gọi đầu tư phát triển đô thị bằng nguồn vốn khác như sau:

**3. Các dự án phát triển đô thị ưu tiên kêu gọi đầu tư bằng nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035**

**3.1. Danh mục khu vực phát triển đô thị trong khu kinh tế Vân Phong**

Theo Văn bản số 8093/UBND-XDND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v bổ sung cập nhật các khu vực phát triển đô thị trong Chương trình phát triển đô thị Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo đề xuất của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tại Văn bản số 1806/KKT-QLQHXD ngày 07/8/2023; có tổng cộng 14 khu vực phát triển đô thị, khu du lịch, nghỉ dưỡng ưu tiên kêu gọi đầu tư với tổng diện tích khoảng 36.920 ha (theo các đồ án Quy hoạch phân khu đang được lập trong Khu kinh tế Vân Phong) với tổng nhu cầu vốn đến năm 2030 ước hơn 442.100 tỷ đồng. **(Chi tiết theo Phụ lục III.1)**

**3.2. Danh mục các dự án khu dân cư, khu đô thị mới**

Theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025; có tổng số khoảng 290 dự án khu dân cư, khu tái định cư, khu đô thị mới ..., tổng quy mô hơn 180.000 ha, tổng nhu cầu vốn (đối với các dự án nhà ở thương mại) ước hơn 83.674 tỷ đồng. Quy mô, tổng vốn đầu tư chi tiết các dự án sẽ được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, nhà ở... Vị trí, địa điểm theo các đồ án quy hoạch được duyệt và được UBND các huyện, thị, thành phố đề xuất bằng văn bản.

**(Chi tiết theo Phụ lục III.2)**

**3.3. Danh mục các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội**

Theo Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; có tổng số 86 dự án với tổng diện tích gần 2.100 ha (Không bao gồm một số dự án trùng với dự án trong danh sách tại Phụ lục III.2 nêu trên); với tổng nhu cầu vốn khoảng 25.585 tỷ đồng. Tên dự án, quy mô, nguồn vốn của các dự án được cơ quan thẩm quyền phê duyệt và được UBND các huyện, thị, thành phố đề xuất bằng văn bản.

**(Chi tiết theo Phụ lục III.3)**

**4. Tổng hợp nhu cầu kinh phí, nguồn vốn thực hiện Chương trình**

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình đến năm 2030, (nguồn vốn



**đầu tư toàn xã hội) dự kiến khoảng 1.299.000 tỷ đồng<sup>(4)</sup>, trong đó:**

- Giai đoạn đến năm 2025 là **549.053 tỷ đồng**,

- Giai đoạn 2026 - 2030 là **749.947 tỷ đồng**.

Chi tiết từng nguồn vốn theo từng giai đoạn như sau:

**1. Ngân sách Trung ương là: 73.440,7 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 5,65 % tổng nguồn vốn), trong đó:**

+ Giai đoạn đến năm 2025 là: 65.005,7 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2026 – 2030 là: 8.435 tỷ đồng; (các dự án trọng tâm trọng điểm sẽ được xác định sau năm 2024, tiếp tục cập nhật bổ sung theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030).

+ Giai đoạn sau năm 2030: chưa xác định.

**2. Ngân sách địa phương là: 48.646,3 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 3,74 % tổng nguồn vốn), trong đó:**

+ Giai đoạn đến năm 2025 là: 32.251,3 tỷ đồng; trong đó vốn Ngân sách địa phương thực hiện đầu tư công trung hạn theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân khoảng 18.939,2 tỷ đồng, còn lại 13.312,1 là vốn ngân sách đối ứng thực hiện các dự án hạ tầng khung trọng điểm cấp quốc gia, cấp vùng ... theo quy hoạch tỉnh.

+ Giai đoạn 2026 – 2030 là: 16.395 tỷ đồng; (các dự án trọng tâm trọng điểm sẽ được xác định sau 2024/tiếp tục cập nhật bổ sung theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030).

+ Giai đoạn sau năm 2030: chưa xác định.

**3. Các nguồn vốn khác: 1.176.913 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 90,6 % tổng nguồn vốn), trong đó:**

+ Giai đoạn đến 2025: 451.796 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 – 2030: 725.117 tỷ đồng.

+ Giai đoạn sau năm 2030: chưa xác định.

**Ghi chú:** Tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư tùy thuộc vào khả năng huy động nguồn lực của từng giai đoạn. Số liệu này không

<sup>(4)</sup> 1.299.000 tỷ đồng bao gồm 576.124 tỷ đã xác định nguồn vốn và 722.876 tỷ thuộc danh mục các dự án theo quy hoạch tỉnh chưa được xác định nguồn vốn (đã báo cáo Thường trực tỉnh ủy ngày 28/11/2023). UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn vốn của 722.876 tỷ này như trên.

Tiến độ thực hiện các dự án theo quy hoạch tỉnh đã được cập nhật theo dự thảo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa về điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến 2050 (Công văn số 4643/SKHĐT-TH ngày 10/11/2023).



dùng để công bố phục vụ các nội dung khác ngoài Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa.

## **5. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư**

### **5.1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước**

- Kịp thời đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương để bảo đảm hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho đầu tư các dự án quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng quy trình trong việc lập chương trình, dự án đầu tư công của tỉnh để bảo đảm phối hợp giữa nguồn lực của địa phương với các dự án của Trung ương, qua đó tạo hiệu quả tổng hợp tối đa trong sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước. Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch của Trung ương để thể hiện được các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác lập và triển khai các kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh. Bảo đảm chất lượng trong công tác lập và thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Từng bước có quy trình, cơ chế phù hợp để tham vấn rộng rãi cộng đồng dân cư, doanh nghiệp về các chương trình, dự án đầu tư công nhằm tạo điều kiện phối hợp nguồn lực giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và các dự án đầu tư công bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình. Tăng cường hơn nữa công khai, minh bạch trong quá trình lựa chọn nhà thầu cho các công trình, dự án đầu tư công.

- Thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh để nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách và mở rộng cơ sở thu. Khai thác hợp lý nguồn lực từ đất đai trên cơ sở thực hiện công khai, minh bạch trong đấu giá quyền sử dụng đất. Quản lý tốt các nguồn thu từ khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch và cạnh tranh trong đấu giá, đấu thầu quyền khai thác tài nguyên. Tiếp tục cải cách hành chính về thuế, tạo thuận lợi, giảm tối đa chi phí tuân thủ cho người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ thuế; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, ngăn ngừa và xử lý nghiêm minh các hành vi gian lận, trốn thuế; áp dụng hiệu quả các biện pháp thu hồi nợ thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước

- Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi ngân sách thiết thực và hiệu quả. Ưu tiên tăng chi cho đầu tư phát triển. Tăng tỷ trọng các khoản chi cho các lĩnh vực đột phá phát triển, có tác động lâu dài và phù hợp với xu thế như hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thực hiện tốt các chính sách về xã hội hóa dịch vụ công, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập để tiết kiệm các khoản chi



thường xuyên đi đôi với bảo đảm hiệu quả trong cung cấp dịch vụ.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường năng lực tham mưu của cán bộ làm công tác kế hoạch - đầu tư, tài chính - ngân sách các cấp.

- Hoàn thành Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tỉnh Khánh Hòa năm 2023, đảm bảo để huy động nguồn lực từ xã hội, góp phần đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển cho các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách trong danh mục kế hoạch đầu tư công trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

## **5.2. Nguồn vốn ngoài ngân sách**

### **a. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh**

- Thực hiện hiệu quả và đồng bộ các giải pháp để tiếp tục cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); trong thời gian tới triển khai theo Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

- Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính; đơn giản hóa nội dung hồ sơ, thủ tục và thực hiện kết nối điện tử liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Định kỳ đánh giá về mức độ cần thiết của các quy định, thủ tục và mức độ khó khăn của doanh nghiệp trong việc tuân thủ. Tiếp tục tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, người dân. Đầu tư nâng cấp và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh.

- Công khai, minh bạch toàn bộ các quy định, chính sách, quy trình thủ tục, hồ sơ... Bên cạnh đó, tổ chức các hình thức hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp, người dân để bảo đảm hoàn thành được thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật với chi phí tuân thủ thấp.

- Thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với các nhà đầu tư, doanh nghiệp để nắm bắt các nhu cầu, kiến nghị của doanh nghiệp và kịp thời giải quyết theo thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phong cách làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, thay đổi tư duy và hành động từ quản lý sang nền hành chính phục vụ, đồng hành hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo môi trường hợp tác cởi mở với nhà đầu tư.

### **b. Tăng cường khả năng thu hút đầu tư của đơn vị xúc tiến đầu tư (IPA)**

Để có thể thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư một cách hiệu quả, Khánh Hòa cần xây dựng các mũi nhọn phát triển cụ thể và lựa chọn những đối tác trọng



điểm, tiềm năng, và đảm bảo có phương thức hỗ trợ cũng như cung cấp thông tin một cách đầy đủ, minh bạch cho các nhà đầu tư tiềm năng, để họ hiểu rõ và có niềm tin vào triển vọng phát triển tại địa phương. Để làm được điều này, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

- Cung cấp các dịch vụ và xây dựng các chính sách hỗ trợ dựa trên việc hiểu rõ ảnh hưởng của các dịch vụ và chính sách này tới các chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ số tài chính như tỷ lệ Thu nhập trước khấu hao và lãi vay, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ... cần được cân nhắc và tìm hiểu để xây dựng các chính sách hỗ trợ một cách phù hợp, tạo ra các nội dung quảng bá về lợi thế doanh thu / chi phí mà các nhà đầu tư sẽ có được nếu đầu tư vào Khánh Hòa; giúp dự báo và đưa ra các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục pháp lý cần thiết cho quy trình vay vốn, đăng ký đầu tư đầu tư, tạo ra môi trường kinh doanh giảm thiểu rủi ro và tăng mức độ hấp dẫn của cơ hội đầu tư.

- Đảm bảo tinh thần hợp tác, trao đổi với nhà đầu tư như một đối tác kinh doanh: Tỉnh cần đảm bảo minh bạch trong quá trình kêu gọi và thu hút đầu tư, nêu rõ các điểm mạnh, điểm yếu để nhà đầu tư có phương án sản xuất kinh doanh phù hợp nhằm thích ứng với các điều kiện còn bất lợi của địa phương. Bên cạnh đó, các kế hoạch, phương án phát triển nhằm khắc phục các tồn tại hiện có cũng cần được xây dựng dựa theo nhu cầu và định hướng phát triển của tỉnh và nhu cầu thực tế từ doanh nghiệp.

- Xây dựng bộ tài liệu quảng bá phù hợp cho từng nhóm nhà đầu tư thuộc các nhóm ngành mũi nhọn hoặc các thị trường trọng điểm khác nhau. Tài liệu này nên có nội dung mô tả ngắn gọn về cơ hội kinh doanh đang có tại Khánh Hòa, bao gồm các hỗ trợ, chính sách ưu đãi từ phía địa phương, phân tích tổng quan về thị trường (chỉ ra các đơn vị liên quan chính có thể liên kết/hỗ trợ với nhà đầu tư, cũng như các công ty sẵn có trong cùng ngành nghề đang hoạt động trên địa bàn và tại khu vực lân cận), một số các khuyến nghị về yếu tố thành công chính, những lợi ích mà Khánh Hòa dự kiến có thể mang lại/đã tạo ra cho nhà đầu tư (ví dụ: thời gian xử lý hồ sơ rút ngắn, giúp tiết kiệm chi phí cụ thể cho doanh nghiệp khi đăng kí và xử lý qua Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh), cũng như các rủi ro tiềm tàng và các biện pháp khắc phục.

- Xây dựng các chương trình kết nối và quảng bá hình ảnh Khánh Hòa như một điểm đầu tư tiềm năng, thông qua các phương thức tiếp cận đa kênh: kết nối với các tư vấn, cá nhân có ảnh hưởng, thâm niên trong lĩnh vực trọng điểm thu hút đầu tư, thiết lập đại diện chuyên trách cho từng nhóm thị trường, nhóm nhà đầu tư mục tiêu, tổ chức các hội thảo, triển lãm lưu động và chủ động kết nối với nhà đầu tư qua nhiều phương thức.



- Thường xuyên theo dõi, rà soát, đánh giá các hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư, có cơ chế thu thập phản hồi, kiến nghị từ nhà đầu tư và điều chỉnh cho hợp lý.

- Đảm bảo cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trong các lĩnh vực trọng tâm mà nhà đầu tư thường hay gặp vướng mắc và cần hỗ trợ bao gồm: hỗ trợ về mặt pháp lý (giúp nhà đầu tư nắm được các tài liệu, quy trình làm việc để tuân thủ đúng quy định), hỗ trợ kết nối, làm việc với các đơn vị liên quan (ví dụ như thông tin liên hệ, kêu gọi các hợp tác xã hợp tác với doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp).

### **c. Các giải pháp khác**

- Phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thụ hưởng các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trong các ngành, lĩnh vực của Trung ương và tỉnh.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách để phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; chú trọng thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề..., qua đó huy động thêm nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin thị trường, thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh như tư vấn pháp lý, marketing, tư vấn giải pháp kỹ thuật... để tạo điều kiện cho hoạt động khởi nghiệp kinh doanh cũng như giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

- Tích cực kêu gọi hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ, các nguồn tài trợ nước ngoài, đồng thời chú ý đến tính bền vững của các hoạt động hỗ trợ.

## **XI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM TỪNG BƯỚC THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG**

*(Chi tiết theo Thuyết minh Tổng hợp)*

Các chương trình, đề án trọng tâm từng bước thực hiện phát triển đô thị bền vững được Chương trình đề xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 06/2023/TT-BXD của Bộ Xây dựng, phù hợp với mục tiêu của Khánh Hòa đang phấn đấu đến năm 2030 là thành phố trực thuộc Trung ương, phù hợp với Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 21/7/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hiện nay, thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh đã và đang hoàn thành nghiên cứu lập các đề án thí điểm về: đô thị ứng phó biến đổi khí hậu và



kịch bản nước biển dâng; đô thị thông minh... Trên cơ sở đúc kết thí điểm thực hiện các đề án, sẽ triển khai rộng rãi cho toàn tỉnh Khánh Hòa theo đề xuất dưới đây (Nội dung cụ thể về thời gian, nguồn lực, đơn vị chủ trì thực hiện, kết quả đầu ra của các đề án sẽ được cụ thể hóa khi triển khai lập, phê duyệt và thực hiện từng đề án cụ thể).

Đối với các đề án phục vụ phát triển bền vững đô thị khác sẽ được tiếp tục nghiên cứu đề xuất khi Chính phủ, các Bộ ngành ban hành các quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị.

## **1. Đề án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu và kịch bản nước biển dâng**

### **1.1. Mục tiêu của đề án**

- Cơ cấu lại các ngành kinh tế biển và ven biển nhằm bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển, đặc biệt là các rạn san hô, rừng phòng hộ ven biển; mở rộng diện tích các Khu bảo tồn biển; ngăn ngừa, kiểm soát và giảm ô nhiễm môi trường biển, tiên phong trong khu vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, quan trắc, giám sát môi trường biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phòng tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, nhất là khu vực ven biển, vùng ngập nước.
- Khoanh vùng khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu trong đó tập trung các dự án đầu tư quan trọng và các dự án vùng biển, cửa sông, khu vực đồi núi có nguy cơ sạt lở, lũ, lụt và thiên tai.
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, phát triển, gìn giữ cảnh quan thiên nhiên; phát triển những phong trào, mô hình, điển hình trong bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; đa dạng các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.
- Giai đoạn đến năm 2025:
  - + Giải quyết cơ bản vấn đề thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất, đặc biệt là các khu vực miền núi, hải đảo.
  - + Cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế;
  - + Đầu tư xây dựng mới các công trình ngăn mặn giữ ngọt, các hồ chứa để tăng cường khả năng tích trữ nước;
- Đến năm 2030:
  - + Cân đối đủ nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội;



+ Hoàn thành xây dựng mới các công trình ngăn mặn giữ ngọt, các hồ chứa và sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ;

+ Thực hiện các giải pháp phân phối, điều chuyển nguồn nước giữa các lưu vực nhằm đảm bảo chu cấp nước liên vùng;

+ Xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước trên địa bàn;

+ Kiểm soát tình trạng ô nhiễm nguồn nước ở các lưu vực sông, suối hệ thống công trình thủy lợi;

+ Chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Tầm nhìn 2045:

+ Chủ động được nguồn nước và đảm bảo an ninh nguồn nước phục vụ dân sinh, và phát triển kinh tế xã hội;

+ Dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu.

## 1.2. Kế hoạch thực hiện đề án

Dự kiến kinh phí thực hiện lập đề án: 8 - 10 tỷ đồng (kinh phí lập đề án sẽ do cơ quan chủ trì lập dự toán chi tiết đồng thời xác định nhu cầu kinh phí tổng thể thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xây dựng thuộc đề án).

Thời gian lập đề án: trong năm 2024.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan chuyên môn khác được UBND tỉnh giao theo thẩm quyền.

Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, các Sở ngành có liên quan và các UBND cấp huyện.

Cơ quan thẩm quyền phê duyệt đề án: UBND tỉnh.

*(Nội dung cụ thể về thời gian, nguồn lực, kết quả đầu ra của đề án sẽ được cụ thể hóa khi triển khai lập, phê duyệt và thực hiện đề án cụ thể).*

## 2. Đề án phát triển đô thị thông minh (đô thị 4.0)

Theo quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó định hướng đến năm 2045 tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị thông minh; việc phát triển đô thị thông minh cần bảo đảm theo khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh theo Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông, phù hợp với quan điểm, mục tiêu và lộ trình chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

### 2.1. Mục tiêu của đề án

- Lấy người dân làm trung tâm trong quan điểm chỉ đạo và triển khai các hoạt động phát triển đô thị thông minh.



- Bảo đảm phát triển đồng bộ các nền tảng về hạ tầng, ứng dụng, dịch vụ..., kết hợp ban hành, áp dụng hệ thống pháp lý phù hợp, nhằm tạo ra hệ sinh thái số phục vụ nhu cầu quản lý đô thị và cung cấp dịch vụ thông minh.

- Xây dựng hoàn thành hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị tập trung, có đầy đủ các nguồn dữ liệu về quản lý nhà nước, quản lý ngành, lĩnh vực, quản lý dịch vụ xã hội, quản lý văn hóa và các giá trị truyền thống khác..., bảo đảm khả năng cung cấp thông tin, số liệu kịp thời theo thời gian thực để phục vụ quản lý, điều hành đô thị và thực thi công tác dự đoán, dự báo.

- Phát triển và đưa vào khai thác cổng dữ liệu mở của tỉnh, tạo kênh kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu chính thống giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; kết hợp thực thi các chính sách, quy tắc và các ứng xử phù hợp nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp tạo lập, chia sẻ các nguồn thông tin, dữ liệu, các ứng dụng, tiện ích số, nhằm phục vụ sản xuất, kinh doanh và nhu cầu đời sống, sinh hoạt hằng ngày, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Bảo đảm công tác an toàn, an ninh thông tin, năng lực ứng cứu và xử lý sự cố đối với các hệ thống thông tin; bảo vệ nghiêm ngặt các nguồn cơ sở dữ liệu, nhất là các thông tin trọng yếu, thông tin riêng tư của người dân.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động phát triển công dân số, bảo đảm phù hợp với từng vùng, miền, địa phương; trong đó, coi trọng việc đào tạo, học tập cộng đồng, nhất là ở tuyến cơ sở nhằm giúp người dân có thể tiếp cận và khai thác sử dụng các dịch vụ đô thị thông minh một cách thuận lợi, hiệu quả.”

## **2.2. Kế hoạch thực hiện đề án**

Dự kiến kinh phí lập đề án: 1,5 - 2 tỷ (kinh phí lập đề án sẽ do cơ quan chủ trì lập dự toán chi tiết đồng thời xác định nhu cầu kinh phí tổng thể thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xây dựng thuộc đề án).

Thời gian lập đề án: 2024

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, các Sở ngành có liên quan và các UBND cấp huyện.

Cơ quan thẩm quyền phê duyệt đề án: UBND tỉnh

*(Nội dung cụ thể về thời gian, nguồn lực, kết quả đầu ra của đề án sẽ được cụ thể hóa khi triển khai lập, phê duyệt và thực hiện đề án cụ thể).*



## **XII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

(Chi tiết theo Thuyết minh Tổng hợp)

### **1. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn lực**

#### **1.1. Nguồn lực đất đai**

Hiện nay nguồn lực đất đai (phát sinh từ vị trí, mục đích, diện tích ... tạo nên giá trị sử dụng đất) chưa được phát huy do chưa thực hiện hiệu quả công tác đồng bộ hóa các công cụ quản lý bao gồm hệ thống chính sách - pháp luật, hệ thống thủ tục hành chính công, ứng dụng công nghệ tin học và số hóa hồ sơ, hợp lý hóa việc phân công, phân cấp, ủy quyền trong hệ thống cơ quan Đảng và Nhà nước.

“Chính sách tài chính trong lĩnh vực đất đai chưa thực sự khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững; chưa hạn chế được tình trạng lãng phí và vi phạm pháp luật về đất đai; cơ cấu nguồn thu từ đất chưa bền vững. Các phương pháp định giá, đấu giá quyền sử dụng đất còn bất cập, chưa phù hợp với thực tế. Giá đất được xác định thường thấp hơn nhiều so với giá đất trên thị trường. Chưa xử lý triệt để tình trạng chênh lệch giá đất giáp ranh giữa các địa phương. Chưa có chế tài xử lý hành vi sai phạm trong xác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất. Năng lực quản lý nhà nước về đất đai chưa đáp ứng được yêu cầu. Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đất đai chưa được hoàn thiện” - *Trích nội dung Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"*.

Theo đó Chương trình tổng hợp một số giải pháp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tế của Khánh Hòa, chủ yếu như sau:

#### **a. Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:**

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được lập ở cấp tỉnh và cấp huyện, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nội dung quy hoạch sử dụng đất phải kết hợp giữa chỉ tiêu các loại đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất, hệ sinh thái tự nhiên, thể hiện được thông tin đến từng thửa đất. Việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất phải phù hợp với nhu cầu sử dụng đất, tránh lãng phí trong phân bổ, quản lý và sử dụng đất.

#### **b. Thực hiện đúng các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:**

Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất chủ yếu thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Quy định cụ thể về đấu giá quyền sử



dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; hạn chế và quy định chặt chẽ các trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; bảo đảm công khai, minh bạch.

**c. Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:**

Tiếp tục thực hiện thí điểm và sớm tổng kết chủ trương tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư để thực hiện trước.

Quy định cụ thể việc khai thác hiệu quả quỹ đất phụ cận các công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chính sách ưu tiên cho người có đất ở bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật.

Quy định cơ chế góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai đối với các dự án phát triển, chỉnh trang đô thị và khu dân cư nông thôn. Kiên quyết thu hồi đất của tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp sử dụng đất không đúng mục đích, nhất là tại các vị trí có lợi thế, khả năng sinh lợi cao, ngăn chặn thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

**d. Hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất:**

Đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường bất động sản gắn với thông tin đất đai

**e. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai:**

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; bố trí nguồn lực hợp lý để xây dựng, hoàn thiện đúng tiến độ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; bảo đảm quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Tập trung nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá tài nguyên đất; thống kê, kiểm kê đất đai; giám sát sử dụng đất; bảo vệ, cải tạo và phục hồi chất lượng đất nhằm quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng đất phục vụ cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở sử dụng đất bền vững.

**f. Thu điều tiết từ giá trị sử dụng đất phát sinh từ công tác thành lập đơn vị hành chính đô thị, quy hoạch đô thị, đề án nâng cấp, phân loại đô thị:**

Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh



Hòa; UBND tỉnh Khánh Hòa tiếp tục nghiên cứu xây dựng đề án “thu điều tiết từ giá trị sử dụng đất phát sinh từ công tác thành lập đơn vị hành chính đô thị, quy hoạch đô thị, đề án nâng cấp, phân loại đô thị” đề xuất cơ quan thẩm quyền Trung ương chấp thuận và thực hiện thí điểm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

## **1.2. Phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số, phục vụ phát triển kinh tế biển và các nhóm ngành có tiềm năng, lợi thế như: du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao để đưa Khánh Hòa nhanh chóng trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch và dịch vụ lớn của vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực chuyên môn tốt để đáp ứng yêu cầu về đổi mới phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý Nhà nước, kỹ năng, tác phong cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý. Tập trung vào đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và thực thi của đội ngũ cán bộ, công chức trong các lĩnh vực như du lịch, thủy sản, đô thị, môi trường, phát triển kinh tế địa phương, chuyển đổi số...

Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thường xuyên rà soát, bổ sung những ngành, nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn phát triển. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo và giảng viên, giáo viên; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tiếp cận và cập nhật kiến thức thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo. Thực hiện điều chỉnh, cải tiến nội dung, giáo trình đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa nội dung đào tạo, giảng dạy với xu thế và thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ. Kết hợp linh hoạt giữa học lý thuyết và thực hành, hướng tới tăng dần thời lượng thực hành.

Thu hút các cơ sở đào tạo cấp học sau đại học và đào tạo nghề đầu tư vào Khánh Hòa. Xây dựng và triển khai các chính sách nhằm khuyến khích và thu hút các đơn vị trong ngành giáo dục, chuyên đào tạo các lĩnh vực liên quan mật thiết tới nhu cầu nhân lực trong giai đoạn tới của tỉnh (ví dụ: đào tạo các ngành du lịch, thủy sản, công nghệ thông tin...).

## **2. Nhóm giải pháp về môi trường**

### **2.1. Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững**

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao trình độ nhận thức cho cán bộ quản lý tại các địa phương, cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp về vai trò quan trọng của các hệ sinh thái, công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học đối với sự phát triển bền vững.

Đa dạng hóa về hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về BVMT để



thu hút được sự quan tâm của đông đảo người dân: Tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày về môi trường của quốc tế; xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình về môi trường; sử dụng mạng xã hội để nâng cao tỷ lệ tiếp cận của các thông điệp bảo vệ môi trường với giới trẻ.

## **2.2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

- Tăng cường năng lực, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ: Tổ chức các lớp đào tạo tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, cử cán bộ chuyên trách học tập các mô hình về công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học ở một số nước có trình độ phát triển cao ở châu Âu, châu Úc hoặc một số nước châu Á như Nhật Bản...

- Rà soát, bổ sung, xây dựng các văn bản quy định về quản lý bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường. Thực thi nghiêm chế tài xử phạt vi phạm về môi trường.

- Nâng cao yêu cầu về công nghệ trong thẩm định các dự án đầu tư. Không thu hút các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn trong quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản dưới sự chỉ đạo của Sở, ngành và UBND huyện trong việc bảo vệ và khai thác khoáng sản. Tăng cường vai trò giám sát của cộng đồng dân cư trong công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản.

## **2.3. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường**

Tăng cường nguồn lực của nhà nước chi cho công tác bảo vệ môi trường. Ưu tiên dành ngân sách đầu tư cho các công trình thiết yếu và khó huy động nguồn lực ngoài xã hội.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ về môi trường để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Thực hiện nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; đối tượng được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường để huy động được tối đa nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường.

Việc xã hội hóa công tác đầu tư BVMT được quy định tại Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh với mục tiêu của Bộ tiêu chí là xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn cho 3 khu vực (phía Bắc, trung tâm và phía Nam tỉnh), giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thu hồi các thành phần có giá trị trong chất thải rắn.

## **2.4. Tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra phục vụ bảo vệ môi**



## **trường và đa dạng sinh học**

Tăng cường điều tra, nghiên cứu cơ bản về các giải pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học, các hệ sinh thái đặc trưng, nhạy cảm, các loài thực, động vật quý hiếm, rạn san hô, cỏ biển cần được bảo vệ, nguồn lợi thủy sản có giá trị kinh tế cao nhằm đề xuất các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học phù hợp đối với từng khu vực.

Xây dựng các cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, chú trọng kỹ năng quản lý các hệ sinh thái thông qua ứng dụng viễn thám phù hợp với chức năng bảo tồn của từng khu bảo tồn được phê duyệt trong các quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa.

Điều tra, thống kê các sinh vật ngoại lai xâm hại và nghiên cứu các biện pháp xử lý để bảo tồn đa dạng sinh học.

Tăng cường sự hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học tiến hành điều tra, nghiên cứu, giám sát bảo vệ môi trường và phát triển đa dạng sinh học, đặc biệt là nghiên cứu tại các khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang, khu bảo tồn biển Rạn Trào. Nghiên cứu các công nghệ để bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật trên cạn và dưới nước dựa vào cộng đồng và nguồn tài nguyên sinh vật.

### **3. Giải pháp về khoa học công nghệ**

Thường xuyên phổ biến, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò mang tính quyết định của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế và phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong dài hạn.

Xây dựng đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ cao gắn với tạo lập môi trường làm việc thuận lợi để họ phát huy hết khả năng. Nâng cao chất lượng đào tạo tại chỗ, đồng thời có chính sách đặc biệt, chế độ đãi ngộ để thu hút nhân tài đến làm việc tại Khánh Hòa, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có năng lực quản trị, điều hành, có khả năng chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho Việt Nam.

Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh. Cơ cấu, sắp xếp lại và phát triển các tổ chức KH&CN công lập của tỉnh theo hướng mỗi ngành, mỗi lĩnh vực có những cơ sở trọng điểm để đủ sức giải quyết những nhiệm vụ KH&CN của ngành, lĩnh vực; bảo đảm chức năng nhiệm vụ không chồng chéo và có tính hệ thống. Tập trung đầu tư xây dựng một số đơn vị hoạt động KH&CN đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu chuyển hoá kết quả KH&CN, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động KH&CN, đồng thời đẩy mạnh việc đa dạng hoá các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN. Thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển trực thuộc. Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp có tiềm năng tiếp cận với các chương trình KH&CN



của quốc gia, các quỹ đổi mới công nghệ. Có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, kinh doanh.

Khuyến khích phong trào sáng tạo trong nhân dân, kịp thời hỗ trợ các phát minh, sáng chế có hiệu quả trong cộng đồng được áp dụng rộng rãi, thương mại hóa và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

#### **4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

##### **4.1. Hợp tác với các địa phương trong nước**

- Ký kết và triển khai thực hiện văn bản hợp tác giữa tỉnh Khánh Hòa với các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, các tỉnh lân cận và các địa phương khác để cùng khai thác các tiềm năng, thế mạnh mang tính bổ sung cho nhau, phát huy tính kinh tế về quy mô trên cấp độ vùng, học hỏi kinh nghiệm phát triển trong các ngành, lĩnh vực. Xây dựng cơ chế phối hợp phù hợp với mỗi hoạt động liên kết phát triển.

- Hợp tác với các tỉnh, thành phố vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong các lĩnh vực: Xây dựng các tuyến du lịch kết nối liên tỉnh; đề xuất với Trung ương các công trình kết nối liên vùng.

- Hợp tác với các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải miền Trung, vùng Đông Nam bộ và thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực: Giữ gìn chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch biển miền Trung; xúc tiến đầu tư; phát triển bền vững ngành kinh tế thủy sản, gắn với trung tâm nghề cá lớn của tỉnh; bảo vệ môi trường biển; đào tạo nhân lực và nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hợp tác, liên kết vùng.

##### **4.2. Hợp tác quốc tế**

Tăng cường hợp tác quốc tế là một trong những hoạt động quan trọng giúp tăng cường khả năng cạnh tranh của Khánh Hòa, hỗ trợ trong công tác thu hút và kêu gọi nhà đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

#### **5. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn**

##### **5.1. Tiếp tục hoàn thiện chính sách về quản lý phát triển đô thị**

Nghiên cứu, góp ý và đề xuất Chính phủ, các Bộ ngành tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn dưới luật nhằm thực hiện Luật Quy hoạch, Luật Kiến trúc. Nghiên cứu, điều chỉnh đồng bộ các luật liên quan, như Luật Quy hoạch đô thị, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các luật khác. Việc lồng ghép các yếu tố về biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh,... vào các văn bản quy phạm pháp luật là cần thiết. Cần rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và đề xuất điều chỉnh các định hướng, chiến lược, chương trình quốc gia về phát triển đô thị, cũng như có những giải pháp cụ thể cho từng trường hợp.

##### **5.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước**

Xây dựng và hiện đại hóa chính quyền đô thị điện tử thông qua việc chuẩn



hóa phần mềm quản lý và số hóa thông tin lưu trữ về đất đai, quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng. Đưa vào hoạt động và vận hành có hiệu quả hệ thống lưu giữ phân tích cơ sở dữ liệu về phát triển đô thị bằng hệ thống GIS và phổ biến cho các cơ quan chuyên ngành cũng như cơ quan quản lý đô thị các cấp cùng áp dụng. Ban hành quy chế liên thông dữ liệu một cách liên tục, đồng bộ và thống nhất trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, xây dựng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý và giám sát sự phát triển đô thị.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các hoạt động liên quan đến lĩnh vực phát triển đô thị.

### **5.3. Về cải cách thủ tục hành chính:**

Thực hiện cải cách hành chính đối với các thủ tục cho thuê đất, cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng nhằm cắt giảm thời gian, chi phí cho các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư, phát triển đô thị tại địa phương. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các loại hình dịch vụ như kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn đầu tư, xúc tiến thương mại,... Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật trên các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng và các chính sách khác liên quan đến đời sống dân cư đô thị để kịp thời kiến nghị Trung ương rà soát, điều chỉnh đồng bộ, đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển đô thị bền vững.

### **5.4. Lựa chọn mô hình phát triển cho các đô thị**

Việc lựa chọn mô hình phát triển thích hợp cho từng vùng, miền, từng đô thị là hết sức cần thiết, nhằm xây dựng các đô thị có bản sắc và tận dụng triệt để các đặc điểm phát triển đặc thù. Bên cạnh các đô thị truyền thống, các mô hình phát triển đô thị bền vững đang được quan tâm và có thể áp dụng ở Việt Nam, như đô thị thông minh, đô thị sinh thái, đô thị xanh, đô thị ít các-bon, đô thị nén, đô thị sinh thái - kinh tế, đô thị xộp. Ngoài ra còn một số mô hình đô thị khác, như đô thị phát triển theo định hướng giao thông công cộng, đô thị thiết kế định hướng cho người đi bộ, đô thị với các khu vực bảo tồn di sản, đô thị với các khu vực phát triển du lịch. Mỗi loại hình đô thị có các tiêu chí và ưu điểm riêng, tuy nhiên, mục đích cao nhất vẫn là phục vụ chất lượng sống tốt hơn cho con người.

## **6. Giải pháp kiểm soát quỹ đất tài nguyên – môi trường rừng**

Việc kiểm soát quỹ đất tài nguyên – môi trường rừng thực hiện theo định hướng phát triển lĩnh vực lâm nghiệp tại Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023; đồng thời tập trung thực hiện:

Thứ nhất: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức về bảo vệ, phát triển rừng trong nhân dân cùng với việc tiếp tục thực hiện củng cố hệ thống tổ chức quản lý gắn với tăng cường bảo vệ



tài nguyên rừng, đất lâm nghiệp.

Thứ hai: Tổ chức thực hiện tốt định hướng phát triển 3 loại rừng đến năm 2030 theo Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa đã được phê duyệt; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, phát triển và sử dụng rừng đối với các doanh nghiệp được thuê rừng trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba: Chỉ đạo thực hiện tốt quy trình, kỹ thuật thâm canh rừng trồng; các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp chuyển đổi phương thức sản xuất giống cây lâm nghiệp theo phương pháp truyền thống thay bằng vật liệu bầu siêu nhẹ để giảm bớt nhân công lao động trong khâu trồng rừng; từng bước áp dụng cơ giới hóa vào khâu làm đất, thực hiện tía thưa, tía cành, chuyển hóa rừng trồng sang kinh doanh gỗ lớn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gỗ rừng trồng.

Thứ tư: Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi diện tích rừng sang mục đích sử dụng đất khác. Đề xuất một số chính sách hỗ trợ cho lâm nghiệp cũng như các chính sách hạn chế việc chuyển đổi quỹ đất rừng sang các mục đích sử dụng khác. Có thể xem xét chuyển đổi các khu vực đất canh tác nông nghiệp không hiệu quả sang mục đích phát triển đô thị.

#### **7. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị**

- Công bố công khai quy hoạch tỉnh được phê duyệt bằng nhiều hình thức để người dân, cộng đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư có thể tiếp cận thuận tiện:

+ Xây dựng các tài liệu giới thiệu, phổ biến các nội dung của quy hoạch (có thể phân theo từng nhóm đối tượng);

+ Xây dựng chuyên mục về quy hoạch tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc lập một trang thông tin điện tử dành riêng cho việc công khai và phổ biến quy hoạch tỉnh.

- Quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh trong hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, kế hoạch sử dụng đất để cụ thể hóa và triển khai thực hiện quy hoạch. Nghiên cứu xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện các định hướng phát triển được xác định trong quy hoạch tỉnh.

- Các Sở, ban, ngành địa phương căn cứ vào quy hoạch tỉnh để xây dựng mới, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu chung mà quy hoạch đã đề ra.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương, các địa phương lân cận để triển khai các dự án quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, các dự án có quy mô, tính chất vùng được xác định trong quy hoạch.

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư để huy động các nguồn lực thực



hiện các định hướng và mục tiêu phát triển mà quy hoạch đã đề ra.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, tham mưu cho UBND tỉnh trong việc theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch tỉnh theo định kỳ hàng năm; tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của các bên liên quan báo cáo UBND tỉnh có phương án xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Có giải pháp tạo điều kiện cho người dân, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia vào công tác theo dõi, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình thực hiện quy hoạch nói chung và trong từng ngành, lĩnh vực. Định kỳ 5 năm tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ để bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu, định hướng cho phù hợp với tình hình thực tế nếu cần thiết.

## **8. Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị**

### **8.1. Về xúc tiến đầu tư và huy động vốn phát triển đô thị**

Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư đô thị đi kèm với các chính sách ưu đãi để hỗ trợ, đồng hành cùng nhà đầu tư; trong đó, chú trọng cải thiện biện pháp xúc tiến đầu tư và thực hiện có hiệu quả các hoạt động tạo nguồn đầu tư. Tích cực tham gia các chương trình quốc tế, hội nghị quốc gia về xúc tiến đầu tư; tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư thường niên trên địa bàn tỉnh theo các chủ đề và phù hợp với từng đối tượng khác nhau. Xây dựng cơ chế ưu đãi dành cho khu vực tư nhân khi đầu tư vào các dự án có mục đích phục vụ cộng đồng.

### **8.2. Về phát triển nhà ở và khu dân cư đô thị**

Đẩy mạnh xã hội hóa trong việc đầu tư xây dựng các dự án nhà ở, nhất là nhà ở phục vụ cho công nhân, người lao động tại các khu, cụm công nghiệp (đặc biệt là Khu kinh tế Vân Phong). Kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức, đoàn thể tham gia đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng để phục vụ lâu dài cho các tầng lớp dân cư, đặc biệt là người có thu nhập thấp. Cải tạo, chỉnh trang các khu chung cư cũ và đầu tư xây dựng mới đối với các khu chung cư xuống cấp không đảm bảo an toàn.

Bổ sung quy hoạch các khu tái định cư nhằm phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; trong đó, quy hoạch các khu dân cư cần giảm tính áp đặt, tăng khả năng đáp ứng linh hoạt về nhu cầu nhà ở của người dân. Phát triển các khu dân cư, khu đô thị mới theo xu hướng kiến trúc xanh; bổ sung quy hoạch không gian xây dựng ngầm và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong thiết kế xây dựng để hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, đảm bảo ứng phó bền vững với biến đổi khí hậu.

### **8.3. Vận động nhân dân tham gia xây dựng và phát triển đô thị**

Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển đô thị trên toàn tỉnh; khuyến khích người dân hợp



tác, tự nguyện giải tỏa, hoán đổi đất khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi bố trí tái định cư và được hưởng lợi nhiều hơn từ quy hoạch. Hàng năm, bố trí vốn ngân sách thích hợp để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội mà Nhân dân tự nguyện hiến đất không; yêu cầu bồi thường. Khen thưởng kịp thời đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác vận động Nhân dân tự nguyện đóng góp để xây dựng và phát triển đô thị. Ngoài ra, các địa phương cần quan tâm vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị nhằm đảm bảo môi trường sống xanh - sạch - đẹp tại khu vực đô thị.

### **XIII. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Sở Xây dựng**

- Chủ trì, tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị; Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị cho từng giai đoạn, cho từng đô thị cụ thể;

- Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các địa phương lập Quy hoạch đô thị, Quy hoạch khu vực phát triển đô thị; lập Chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị; lập các Đề án phân loại, nâng cấp đô thị theo quy định pháp luật hiện hành;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh.

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với các Bộ, Ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động các nguồn lực thực hiện mục tiêu của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị.

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh nhằm đạt mục tiêu Chương trình đã đề ra.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh quyết định ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện rà soát, cân đối khả năng phân bổ, bố trí các nguồn vốn thực hiện kế hoạch hàng năm cho từng giai đoạn phát triển các đô thị.

- Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu cho UBND tỉnh tổng hợp kế hoạch kinh phí đầu tư phát triển hàng năm và các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án đầu tư tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.



### 3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Xây dựng bố trí nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ Chương trình phát triển đô thị của các Sở, ngành, địa phương: vốn cho công tác quy hoạch, quản lý đô thị, xử lý môi trường...

- Tham mưu UBND tỉnh cơ chế ưu đãi, khuyến khích thu hút khu vực tư nhân đầu tư, quản lý vận hành các dự án có mục đích phục vụ cộng đồng, dịch vụ công ích đô thị ...

### 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng phù hợp yêu cầu phát triển đô thị theo Chương trình phát triển đô thị.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các địa phương xây dựng phương án tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư phát triển đô thị, nhà ở trong khu vực phát triển đô thị đã được công bố; chỉ đạo, xử lý và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án phát triển và nâng cấp đô thị.

### 5. Sở Giao thông Vận tải

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng rà soát các dự án hạ tầng kỹ thuật giao thông theo quy hoạch, kế hoạch ngành và chương trình phát triển đô thị, lập kế hoạch 5 năm và hàng năm để triển khai đồng bộ.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với Trung ương có kế hoạch và cơ chế thu hút đầu tư triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh.

### 6. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện thực hiện công tác tham mưu cơ quan thẩm quyền trong việc tổ chức lập, thẩm định đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã; hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển đô thị đã đề ra.

### 7. Các Sở, ban, ngành liên quan

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm lồng ghép nội dung Chương trình phát triển đô thị vào các Chương trình, Đề án, Quy hoạch của ngành; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng Sở, ban, ngành quản lý; tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

### 8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh theo kế hoạch, danh mục lộ trình nâng loại đô thị.

- Chủ trì xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo quy hoạch phát triển, nâng cấp đô thị.



- Thực hiện việc rà soát đánh giá các quy hoạch, xác định các khu vực phát triển đô thị. Tổ chức lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch khu vực phát triển đô thị; lập chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị; chủ động, bố trí, huy động mọi nguồn lực nhằm phát triển đô thị phù hợp với lộ trình phát triển đô thị toàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị hàng năm. Tổ chức lập Đề án công nhận, nâng loại đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị hiện hữu, các khu vực dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn quản lý.

#### **XIV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã đề xuất những giải pháp căn bản, nhằm đảm bảo phát huy các tiềm năng của tỉnh một cách tổng hợp, trên cơ sở đó, đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và dự báo nhu cầu vốn, phân loại các nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng khung kết nối các đô thị. Đáp ứng yêu cầu định hướng kế hoạch đầu tư, hoạch định các chính sách phát triển, quản lý phát triển hạ tầng phục vụ đô thị. Hướng tới mục tiêu phát triển đô thị hiện đại, hiệu quả và bền vững, thực hiện các mục tiêu lớn về phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Chương trình phát triển đô thị bao gồm nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành khác nhau và trong quá trình triển khai còn bị ảnh hưởng bởi những yếu tố khách quan, những biến động xã hội không dự báo trước được; ngoài ra, còn ảnh hưởng bởi tiến độ triển khai các dự án động lực được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách... Do vậy, cần phải thống nhất trong chỉ đạo và phối hợp thực hiện giữa các ngành và các cấp liên quan.

Sau khi chương trình được phê duyệt, để chương trình được thực thi và phát huy hiệu quả trong thực tế phát triển đô thị, đề nghị UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho UBND cấp huyện lập Chương trình phát triển đô thị của từng đô thị và kế hoạch triển khai cho từng năm và các Sở ngành triển khai thực hiện các đề án/chương trình mục tiêu./.



## **PHẦN C. PHỤ LỤC HỒ SƠ**

### **I. Phụ lục I. Đánh giá hiện trạng đô thị theo tiêu chí phân loại đô thị**

- Phụ lục I.1. Đánh giá hiện trạng Thành phố Nha Trang
- Phụ lục I.2. Đánh giá hiện trạng Thành phố Cam Ranh
- Phụ lục I.3. Đánh giá hiện trạng Thành phố Ninh Hòa
- Phụ lục I.4. Đánh giá hiện trạng khu vực dự kiến thành lập đô thị mới Vạn Ninh (toàn huyện Vạn Ninh)
- Phụ lục I.5. Đánh giá hiện trạng đô thị Diên Khánh (toàn huyện Diên Khánh)
- Phụ lục I.6. Đánh giá hiện trạng khu vực dự kiến thành lập đô thị mới Cam Lâm (toàn huyện Cam Lâm)
- Phụ lục I.7. Đánh giá hiện trạng Thị trấn Khánh Vĩnh
- Phụ lục I.8. Đánh giá hiện trạng Thị trấn Tô Hạp
- Phụ lục I.9. Đánh giá hiện trạng Thị trấn Cam Đức
- Phụ lục I.10. Đánh giá hiện trạng đô thị Suối Tân

### **II. Phụ lục II. Danh mục các dự án hạ tầng ưu tiên đầu tư**

- Phụ lục II.1. Danh mục dự án đầu tư hạ tầng khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị tự ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tổng hợp theo Quyết định số 318/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Phụ lục II.2. Danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 tổng hợp theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 – 2025; điều chỉnh bổ sung bởi các Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02/6/2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết 71/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

### **III. Phụ lục III. Danh mục các dự án phát triển khu đô thị mới ưu tiên kêu gọi đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách**

Phụ lục III.1. Các khu vực phát triển đô thị trong khu kinh tế Vân Phong (Tổng hợp theo Văn bản số 8093/UBND-XDND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v bổ sung cập nhật các khu vực phát triển đô thị trong Chương trình phát triển đô thị Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo đề xuất của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tại Văn bản số 1806/KKT-QLQHXD ngày 07/8/2023).

Phụ lục III.2. Các dự án Khu dân cư, Khu đô thị mới trên địa bàn các huyện, thị, thành phố của tỉnh Khánh Hòa (Tổng hợp theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025).



Phụ lục III.3. Các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (Tổng hợp theo Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030).

#### IV. Phụ IV. Các tài liệu, văn bản có liên quan đến Chương trình

Danh mục các tài liệu, văn bản, cơ sở nghiên cứu liên quan Chương trình.

#### V. Bản vẽ

- Phân loại hệ thống đô thị toàn tỉnh cho từng giai đoạn 5 năm (được lập trên nền bản vẽ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh/quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt). Xác định Chương trình ưu tiên giai đoạn đầu.

- Sơ đồ xác định vị trí các dự án công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật (thể hiện trên nền bản vẽ định hướng quy hoạch, lồng ghép trên bản vẽ phân loại hệ thống đô thị).



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG 1. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC ĐÔ THỊ.....	7
BẢNG 2. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KHÁNH HÒA THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI I – THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG.....	9
BẢNG 3. BẢNG THỐNG KÊ CÁC TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT ĐIỂM.....	17
BẢNG 4. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN.....	20
BẢNG 5. BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ KHÁNH HÒA.....	24
BẢNG 6. BẢNG TỔNG HỢP LỘ TRÌNH NÂNG CẤP, PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ CHO GIAI ĐOẠN 2023 - 2030.....	31
BẢNG 7. BẢNG TỔNG HỢP TỔ CHỨC HỆ THỐNG ĐÔ THỊ.....	34
BẢNG 8. TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN ĐẦU 2023 – 2030.....	35
BẢNG 9. BẢNG DỰ BÁO DÂN SỐ VÀ TỶ LỆ ĐÔ THỊ HÓA.....	52
BẢNG 10. BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT ĐÔ THỊ KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2030.....	54
BẢNG 11. DỰ BÁO ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ.....	57











